



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

14

Tháng 7 - 2012

Hội nghị toàn quốc
Tổng kết Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở
theo quyết định số 167/2008/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Bắc Ninh ngày 19 tháng 7 năm 2012



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

14

SỐ 14- 7/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 – 2015 5
- Quyết định số 936/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 6
- Quyết định số 939/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 8
- Quyết định số 943/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định cơ chế tài chính đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh 10
- Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Chính sách bán nhà tái định cư theo phương thức trả dần tiền mua nhà cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội 11
- Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định thí điểm một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2016 12



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

- Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 13

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị Thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn là đô thị loại III 15

- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Tam Điệp là đô thị loại III 16

- Ứng dụng bê tông cát trong xây dựng - vấn đề được ưu tiên hiện nay tại Nga 18

- Xây dựng hệ thống đường trên cao trong các đô thị 22

- Kinh nghiệm của các nước trên thế giới

- Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị của thành phố Lan Châu 27

- Thành phố Bắc Kinh chỉ đạo thực hiện việc xử lý rác thải nhà bếp trong đô thị 31

Thông tin

- Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng chủ trì Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở 35

- Bộ Xây dựng và thành phố Hà Nội phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở 38

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát lệnh động thổ dự án đầu tư xây dựng 1500 căn hộ cho người thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá 40

- Thực trạng phát triển đô thị Việt Nam và các giải pháp quản lý đầu tư phát triển đô thị 41

- Khai mạc Hội thi tay nghề quốc gia năm 2012 44

- Vẻ đẹp của kiến trúc Paris 45

- Thành phố Hồ Châu- tỉnh Chiết Giang – Trung Quốc: Thực hiện tốt 5 điểm trọng tâm để thúc đẩy thành phố phát triển 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015

Ngày 18/7/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg về Tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 – 2015. Quyết định này áp dụng cho các thôn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi, các xã thuộc các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng có vùng dân tộc thiểu số sinh sống.

Theo Quyết định này, thôn đặc biệt khó khăn là thôn có đủ 3 tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 55% trở lên; trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 25% trở lên; Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện sau có trên 80% lao động chưa qua đào tạo nghề, trên 50% số hộ không có nhà tiêu hợp vệ sinh, trên 30% số hộ thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Tiêu chí 2. Có ít nhất 2 trong 3 điều kiện: trên 20% số hộ thiếu đất sản xuất; trên 50% diện tích đất canh tác có nhu cầu tưới tiêu, nhưng chưa được tưới tiêu; Có 1 trong 2 yếu tố: Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư thôn, bản; Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp;

- Tiêu chí 3. Chưa có đường giao thông từ thôn đến trung tâm xã được cứng hóa theo tiêu chí nông thôn mới; Có ít nhất 1 trong 3 yếu tố: Chưa đủ phòng học cho các lớp mẫu giáo theo quy định, trên 30% số hộ chưa có điện sinh hoạt, chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn.

Cũng theo Quyết định này quy định, xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó

khăn nhất được xác định theo các tiêu chí sau: Số thôn đặc biệt khó khăn còn từ 35% trở lên (tiêu chí bắt buộc); Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 45% trở lên, trong đó tỷ lệ hộ nghèo phải từ 20% trở lên; Có đường trục xã, liên xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa; Còn có ít nhất một thôn chưa có điện lưới quốc gia; Chưa có đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; Nhà văn hóa xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Còn từ 30% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề trên 60%; Trên 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định; Còn từ 20% số hộ trở lên thiếu đất sản xuất theo quy định; Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn; Dưới 10% số hộ làm nghề phi nông nghiệp.

Đối với xã được xếp vào loại xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định, được xác định theo các tiêu chí sau: Có dưới 35% số thôn đặc biệt khó khăn (tiêu chí bắt buộc); Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo từ 20% - 45%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 20%; Đường trục xã, liên xã đến thôn chưa được nhựa hóa, bê tông hóa; Còn có thôn chưa có điện lưới; Chưa đủ phòng học cho lớp tiểu học hoặc các lớp học ở thôn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; Có dưới 30% số hộ chưa có nước

sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo nghề từ 30% đến dưới 60%; Có từ 30% đến dưới 50% cán bộ chuyên trách, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định; Còn từ 10% đến dưới 20% số hộ thiếu đất sản xuất theo quy định; Chưa có cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư xã đạt chuẩn. Còn xã khu vực I là các xã còn lại thuộc vùng dân tộc và miền núi không phải xã khu vực III và xã khu vực II.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/9/2012. Bãi bỏ Quyết định số 393/2005/QĐ-UBND ngày 29/8/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND về việc ban hành quy định tiêu chí phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 936/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020

Ngày 18/7/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 936/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020.

Mục tiêu của Quy hoạch nhằm phát triển vùng Tây Nguyên ổn định và bền vững trên cơ sở tổ chức không gian các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp; xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng đạt mức trung bình so với cả nước, tạo chuyển biến văn bản về phát triển toàn diện kinh tế - xã hội; từng bước đưa Tây Nguyên trở thành vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm quốc phòng an ninh.

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; Đồng thời phải khai thác và phát huy có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của vùng Tây Nguyên, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, nhất là trong Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia, tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong vùng với cả nước nhằm huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực để phát triển nhanh, bền vững, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển kinh tế - xã hội của Vùng so với cả nước. Bên cạnh đó Vùng cần

thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý cả chiều rộng và chiều sâu nhằm xây dựng nền kinh tế có sức mạnh cạnh tranh cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với từng bước thực hiện đô thị hóa và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Theo Quy hoạch, Tây Nguyên phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 7,9%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,7%/năm. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người đạt 24 triệu đồng và vào năm 2020 đạt khoảng 46 triệu đồng; Tỷ trọng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế vào năm 2015 là 43,6%, 29,2% và 27,2%; đến năm 2020 cơ cấu kinh tế tương ứng là 34,7%, 35% và 30,3%; Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2011 - 2015 bình quân 17%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15,5%/năm.

Tây Nguyên là vùng có tiềm năng, lợi thế to lớn về đất đai, khoáng sản, tài nguyên khí hậu đặc thù (ôn đới, á nhiệt đới) và hệ động, thực vật đa dạng, phong phú để phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung. Chính vì thế, trong Quyết định này đưa ra phương hướng phát triển cho vùng là chuyển đổi toàn diện cơ cấu nông nghiệp để đến năm

2020 vùng Tây Nguyên cơ bản có nền nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, tập trung, có sức cạnh tranh cao, hiệu quả và bền vững gắn với công nghiệp chế biến; đồng thời ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất nông lâm nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương trong vùng, phát triển mạnh công nghiệp để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế. Ưu tiên phát triển ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản, hướng vào chế biến các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu. Thực hiện tốt công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, khoáng sản để có kế hoạch sử dụng tài nguyên hợp lý, khai thác có hiệu quả, quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, rừng và khoáng sản.

Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt, từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng làm động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung phát triển mạng lưới giao thông, cấp điện, thủy lợi, hạ tầng các đô thị, khu công nghiệp, cụ thể: Nâng cấp và xây dựng các đường tỉnh và đường huyện theo quy hoạch, chú trọng phát triển mạng lưới giao thông nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; Nghiên cứu, quy hoạch sân bay cho hoạt động bay trực thăng và máy bay cánh bằng loại nhỏ đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp; Tập trung hoàn thành và đưa vào sử dụng các nhà máy điện Đồng Nai 4, Đắk RThi, Thượng Kon Tum, phấn đấu đạt mục tiêu điện khí hóa nông thôn trên toàn vùng Tây Nguyên; Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và lớn đa mục tiêu, trong đó mục tiêu quan trọng trữ nước mùa mưa để chống hạn mùa khô, ưu tiên các công trình tưới nước đối với cây công nghiệp và cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao. Phát triển công trình vừa và nhỏ cấp nước và phát điện phục vụ phát triển sản xuất, ổn định đời sống, nhất là cho đồng bào dân tộc ở vùng sâu, ven biên giới để ổn định xã hội và an ninh quốc phòng; Phát

triển các khu kinh tế quốc phòng vùng Tây Nguyên, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới. Trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch sản xuất và mục tiêu quốc phòng an ninh, hình thành các cụm buôn, xã biên giới, tạo nên vành đai biên giới làm nền tảng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ tổ quốc.

Cũng theo nội dung Quy hoạch đã được phê duyệt, Tây Nguyên phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ đô thị hóa toàn vùng đạt khoảng 31,5% và khoảng 36,2% vào năm 2020. Trong đó, xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột thành đô thị trung tâm của vùng Tây Nguyên, trung tâm dịch vụ, công nghiệp, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, là đô thị hạt nhân trong Tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia; Thành lập, phát triển các đô thị mới gắn với phát triển các khu công nghiệp tập trung, khu kinh tế cửa khẩu và các đơn vị hành chính mới; Hình thành các thị tứ, các điểm dân cư tập trung, từng bước xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng tại các khu vực có điều kiện thuận lợi cho phát triển, giao lưu kinh tế, làm cơ sở cho việc hình thành các đô thị.

Để thực hiện tốt công tác Quy hoạch, Tây Nguyên cần có những biện pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, chú trọng các nguồn vốn từ dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tiếp tục tạo lập môi trường thuận lợi và xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, nhất là ưu đãi đặc thù phát triển một số lĩnh vực có nhiều tiềm năng, lợi thế để vùng Tây Nguyên thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển nhanh và bền vững.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 939/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020

Ngày 19/7/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 939/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020. Với mục tiêu xây dựng, phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa và thủy sản của cả nước với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, bền vững; phát triển mạnh kinh tế biển và phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiến kịp mặt bằng chung của cả nước; là địa bàn cầu nối để chủ động hội nhập, giao thương, hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Theo Quy hoạch, mục tiêu về kinh tế của vùng là phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,7%/năm giai đoạn 2011 – 2015 và 8,6%/năm giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 30,2 triệu đồng, tương đương 1.550 - 1600 USD; năm 2020 khoảng 57,9 triệu đồng, tương đương 2750 – 2850 USD. Đến năm 2015 phần đầu tỷ trọng nông lâm ngư nghiệp trong GDP của vùng là 36,7%; công nghiệp, xây dựng 30,4%; dịch vụ 32,9%; đến năm 2020, tỷ trọng tương ứng của các ngành là: 30,5% - 35,6% - 33,9%. Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và giữ vững mức xuất khẩu khoảng 6 - 7 triệu tấn gạo/năm. Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân trên 12%/năm giai đoạn 2011 – 2015 và trên 11,5%/năm giai đoạn 2016 – 2020. Đến năm 2015, kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người đạt khoảng 630 USD và đạt trên 1000 USD vào năm 2020; tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 8 - 10%/năm.

Bên cạnh những mục tiêu về kinh tế đã đưa ra, toàn vùng còn phấn đấu phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã

hội để làm động lực phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi, kiểm soát lũ, phát triển mạng lưới đô thị và điểm dân cư nông thôn và cụm, tuyến dân cư vùng ngập lũ. Hoàn thành Chương trình cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ, hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà ở đơn sơ trong vùng. Xây dựng các khu dân cư nông thôn đảm bảo theo quy hoạch, phù hợp với phong tục văn hóa, điều kiện sản xuất của người dân. Đồng thời tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân.

Về vấn đề phát triển các vùng kinh tế, ngoài vùng kinh tế trọng điểm gồm các tỉnh, thành phố Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau và các trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch tại các thành phố lớn ra, thì cần tập trung phát triển các khu công nghiệp đã được quy hoạch; ưu tiên các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; đẩy mạnh dịch vụ giao lưu hàng hóa, xây dựng hệ thống các chợ đầu mối trái cây, lúa gạo,... các dịch vụ y tế, đào tạo chất lượng cao; phát triển các vùng trồng cây ăn quả tập trung tại Tiền Giang. Bên cạnh đó, cũng cần chú trọng phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng khu vực ven biển, cải tạo các luồng lạch trên sông Tiền và sông Hậu; phát triển khu kinh tế Định An (Trà Vinh) cùng với dịch vụ cảng, công nghiệp đóng tàu. Nghiên cứu đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng và các điều kiện cần thiết, nếu đáp ứng đủ các tiêu chí thì tiến tới hình thành Khu kinh tế biển Gành Hào.

Để thực hiện tốt Quy hoạch vùng, các cơ quan có liên quan cần có biện pháp huy động hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy sức mạnh nội lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà

nước để đầu tư các công trình, dự án có ý nghĩa chiến lược của vùng, không có khả năng thu hồi vốn, khắc phục xử lý ô nhiễm môi trường, các cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu, các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời cân đối ngân sách để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với người nghèo, hộ gia đình chính sách; tăng cường công tác kiểm soát chi, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách cho phát triển kinh tế - xã hội trong vùng.

Tăng cường hợp tác giữa các địa phương

trong vùng về lĩnh vực xúc tiến đầu tư, xây dựng vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; sử dụng chung kết cấu hạ tầng vùng về công nghiệp, xử lý chất thải rắn, cấp nước, chợ đầu mối,...; phối hợp tuyên truyền quảng bá du lịch, khai thác và sử dụng, bảo vệ bền vững tài nguyên nước, bảo vệ môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 943/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020

Ngày 20/7/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 943/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020. Yêu cầu của Quy hoạch là phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực; xây dựng và phát triển vùng Đông Nam Bộ thành vùng động lực thúc đẩy phát triển với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước; là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại lớn của đất nước và khu vực. Mục tiêu đưa ra cho vùng Đông Nam Bộ là chuyển dịch cơ cấu kinh tế Vùng theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tập trung ưu tiên đầu tư các ngành có tiềm năng, lợi thế, có năng suất lao động và hàm lượng tri thức cao, gắn liền với việc đẩy mạnh liên kết giữa các ngành, thành phần kinh tế và giữa các địa phương.

Về phát triển kinh tế, toàn vùng phấn đấu đến năm 2020 quy mô GDP tăng gấp 2,7 lần so với năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 9,5% - 10%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng khoảng

10%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 9,5%/năm; tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 97 - 98% trong tổng GDP của Vùng năm 2020, trong đó dịch vụ chiếm trên 44%, cao hơn mức bình quân chung của cả nước. Phấn đấu GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt tương đương 4.600 USD và năm 2020 đạt 6.400 USD; giá trị xuất khẩu bình quân đầu người đạt 4.200 USD vào năm 2015 và 7.800 USD năm 2020. Giữ mức đóng góp cho ngân sách nhà nước khoảng 50 - 55% trong cả thời kỳ 2011 - 2020.

Cùng với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, Vùng cũng cần đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Kết hợp ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra với khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái. Phấn đấu đến năm 2015 đạt 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng được áp dụng công nghệ

sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo xử lý chất thải và 60% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường; 70% các khu đô thị và 100% các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 95% chất thải rắn được thu gom; xử lý được trên 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế.

Theo nội dung Quy hoạch, về phát triển và phân bố hệ thống đô thị, nông thôn toàn Vùng cần tạo sự liên kết giữa các đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, có bản sắc trên nền tảng phát triển bền vững; hấp dẫn các nhà đầu tư, thuận lợi cho sản xuất và cuộc sống của nhân dân trong vùng. Hình thành cơ cấu đa trung tâm nhằm tạo động lực để phát triển các vùng ngoại vi xung quanh, đồng thời giảm áp lực cho khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển nông thôn và phân bố các điểm dân cư gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển các khu đô thị để đảm bảo tính đồng bộ trong phát triển lãnh thổ vùng ngoại vi các đô thị và hành lang đô thị; có các giải pháp quy hoạch và xây dựng đồng bộ các khu vực tập trung dân cư nông thôn thành các khu vực đô thị.

Để thực hiện tốt công tác quy hoạch, chính

quyền các tỉnh, thành phố thuộc khu vực Đông Nam Bộ cần có các chính sách huy động hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư tạo điều kiện thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn lực trong và ngoài nước. Giảm tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách gắn liền với nâng cao hiệu quả đầu tư công, đa dạng hóa và tăng cường các nguồn vốn khác, coi trọng khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất đai. Tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA để đầu tư các công trình trọng điểm về hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn. Đẩy mạnh sự phối hợp gắn kết giữa các địa phương trong và ngoài vùng Đông Nam Bộ trong việc thực hiện các chính sách phát triển, trong huy động và phân bổ nguồn lực và vốn đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng. Tăng cường hợp tác phát triển thương mại qua biên giới với Campuchia, phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, xây dựng mạng lưới giao thông, cấp điện giữa các địa phương Việt Nam với Campuchia. Đẩy mạnh hợp tác với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh quy định cơ chế tài chính đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Ngày 25/05/2012 UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND về việc Quy định cơ chế tài chính đối với các dự án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Quy định này áp dụng cho các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thuộc dự án xây dựng nhà ở xã hội và chủ đầu tư dự án phát

triển nhà ở xã hội không phải từ nguồn vốn ngân sách.

Theo Quyết định này, các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp: Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang hưởng lương từ ngân sách nhà nước; người lao động thuộc các đơn vị sự nghiệp ngoài công

lập, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (kể cả trường hợp đã được nghỉ theo chế độ); người lao động tự do, kinh doanh cá thể. Các đối tượng này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng diện tích bình quân dưới 5 m²/người; Chưa được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức; Đối với các trường hợp mua và thuê mua nhà ở thu nhập thấp thì phải có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án; Có mức thu nhập thấp, không có khả năng tự cải thiện chỗ ở.

Các đối tượng được thuê nhà ở dành cho sinh viên: Sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn tỉnh; Các đối tượng được thuê nhà ở dành cho công nhân: Công nhân lao động trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Cũng theo Quyết định này, các doanh nghiệp tự xây dựng nhà ở xã hội ngoài những chính sách ưu đãi được hưởng theo quy định của Trung ương như: Được miễn tiền sử dụng

đất, tiền thuê đất, được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng ở mức cao nhất,... Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội không phải từ nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được hưởng các chính sách ưu đãi như sau: Thứ nhất được ứng vốn không phải chịu phí và lãi suất vay để thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có) từ ngân sách hoặc Quỹ phát triển đất của tỉnh trong thời hạn 1 năm kể từ khi có phương án bồi thường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Thứ hai được vay vốn đầu tư xây dựng từ Quỹ phát triển nhà ở của tỉnh với lãi suất ưu đãi trong thời gian 2 năm kể từ khi khởi công xây dựng công trình. Dự kiến, mức lãi suất tương đương lãi suất áp dụng cho các đối tượng chính sách xã hội thời điểm hiện tại là 6%/năm; Thứ ba được ngân sách hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng thương mại để đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội với thời gian hỗ trợ không quá 2 năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.bacninh.gov.vn)

Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Chính sách bán nhà tái định cư theo phương thức trả dần tiền mua nhà cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 04/7/2012 UBND thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Chính sách bán nhà tái định cư theo phương thức trả dần tiền mua nhà cho các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội. Quyết định này áp dụng cho các đối tượng là Các trường hợp có đủ điều

kiện được mua nhà tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố, nhưng tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và nhà ở trên đất nhỏ hơn số tiền mua nhà tái định cư phải nộp, có nguyện vọng được trả dần số tiền chênh lệch còn thiếu theo quy định của Thành phố.

Theo Quyết định này việc bảo tồn vốn đầu tư và thanh toán tiền nhà được quy định như

sau: Số tiền nhà được phép trả dần được tính lãi suất bằng 0,3%/tháng (thấp hơn lãi suất cho các đối tượng ưu tiên đặc biệt vay quy định hiện hành của UBND Thành phố). Thời gian trả dần số tiền mua nhà còn thiếu là 10 năm tính từ ngày quyết định bán nhà tái định cư của UBND Thành phố; Mỗi năm hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thanh toán một phần số tiền mua nhà còn thiếu bằng 1/10 số tiền được phép trả dần cộng với lãi suất theo quy định tại Quyết định này; Trong trường hợp các hộ gia đình, cá nhân thanh toán trước thời hạn số tiền mua nhà

phải trả dần cho các năm còn lại thì được giảm 10% số tiền mua nhà phải thanh toán.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 72/2006/QĐ-UBND ngày 18/5/2006 của UBND Thành phố quy định về việc bán nhà tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân theo phương thức trả dần tiền mua nhà khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định thí điểm một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2016

Ngày 06/7/2012, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định thí điểm một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 – 2016.

Quy định này áp dụng trong các lĩnh vực: đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm; thực hiện dẫn dắt đổi thửa, thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đối tượng áp dụng Quy định này là các doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài), các hợp tác xã, hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân (tổ chức, cá nhân) khi thực hiện các nội dung tại Quy định này trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Mục đích của Quy định này nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình và cá

nhân đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoàn thành chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới Thành phố đã đề ra đến năm 2015.

Theo Quyết định này, UBND thành phố Hà Nội đưa ra chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản cho các dự án đầu tư cải tạo, nâng cao, xây mới cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản giống, bảo quản nông sản theo quy hoạch. Hỗ trợ sau khi các cơ sở hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Thành phố. Được hỗ trợ 100% lãi suất theo mức lãi suất vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh thành phố Hà Nội tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng vay vốn, thời hạn tối đa là 3 năm, mức vốn vay tối đa để làm căn cứ tính hỗ trợ lãi suất là 70% giá trị đầu tư của dự án.

UBND thành phố Hà Nội cũng đưa ra các chính sách khuyến khích xây dựng kiên cố hoá

đường giao thông thôn, xóm đạt chuẩn nông thôn mới đối với Các thôn, xóm, bản làng, khu dân cư nằm trong phạm vi các xã thuộc huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội có Đề án và quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ sau đầu tư 80% cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20%. Các khoản chi còn lại do ngân sách cấp xã thực hiện và huy động ủng hộ đóng góp của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các nguồn tài chính khác. Ngoài ra UBND thành phố cũng đưa ra các chính sách khuyến khích thực hiện đồn điền đổi thửa; Chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; Chính sách khuyến khích đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia

cầm tập trung; Chính sách khuyến khích đầu tư thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 77/2009/QĐ-UBND ngày 10/6/2009 của UBND Thành phố quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội đang thực hiện trái với quy định này.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Ngày 04/7/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định số 22/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Quy định này, quy định về trình tự, thủ tục thực hiện đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế; trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, gia hạn sử dụng đất đối với tổ chức trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đối tượng áp dụng là Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn; Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở

nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có đất bị nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, phát triển kinh tế; Tổ chức đề nghị sử dụng đất và cá nhân khác có liên quan.

Theo Quyết định này, UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ thực hiện cơ chế “một cửa” trong thủ tục hành chính quản lý và sử dụng đất đai. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định trong bản Quy định này được tính theo ngày làm việc không tính ngày lễ và các ngày nghỉ theo quy định.

UBND tỉnh thông báo thu hồi đất đối với trường hợp thu hồi đất có liên quan từ hai (02) đơn vị cấp huyện trở lên. UBND tỉnh ủy quyền cho UBND huyện, thị xã, thành phố (nơi có đất bị thu hồi) ban hành Thông báo thu hồi đất đối

với trường hợp không thuộc Quy định này. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình UBND cấp có thẩm quyền để ký ban hành Thông báo thu hồi đất.

Đối với trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất thì trình tự thực hiện sẽ là: Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện thẩm định hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; UBND tỉnh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (do Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính trình), phê duyệt quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; quyết định giá đất.

Đối với tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thì trình tự, thủ tục gia hạn sử dụng đất như sau: Trước khi hết hạn sử dụng đất sáu (06) tháng, người sử dụng đất có nhu cầu gia hạn sử dụng đất lập và gửi hai (02) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Người sử dụng đất có trách nhiệm liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã hết hạn, các chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với trường hợp được gia hạn sử dụng đất.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.khanhhoa.gov.vn)

Hội nghị Thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn là đô thị loại III

Chiều ngày 24/7/2012 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị Thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn là đô thị loại III

. Tham dự Hội nghị về phía tỉnh Bắc Kạn có đồng chí Hoàng Ngọc Đường - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo Thị ủy thị xã Bắc Kạn; lãnh đạo UBND thị xã Bắc Kạn; đại diện Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn. Các thành viên Hội đồng là đại diện Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng, đại diện Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Công thương, Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch; đại diện Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam.

Tại Hội nghị, đại diện UBND thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn đã báo cáo tóm tắt Đề án nâng loại cho thị xã Bắc Kạn trở thành đô thị loại III; trong đó nêu bật lý do và sự cần thiết nâng loại cho thị xã Bắc Kạn, các cơ sở xây dựng Đề án cũng như đánh giá thực trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị. Theo báo cáo: ngày 1/1/1997, khi tỉnh Bắc Kạn được tái lập, thị xã Bắc Kạn trở thành thị xã tỉnh lỵ của tỉnh Bắc Kạn - một tỉnh có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái vùng Đông Bắc và vùng Đồng bằng sông Hồng. Thị xã đóng vai trò chức năng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật, trung tâm thương mại, dịch vụ và du lịch của tỉnh Bắc Kạn; là đầu mối giao thông liên kết tỉnh Bắc Kạn với các tỉnh lân cận. Qua 15 năm xây dựng, đến nay thị xã đã có diện mạo của một đô thị loại III với không gian thị xã được mở rộng, hệ thống cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ, cảnh quan đô thị ngày càng khang trang, văn minh, sạch đẹp: xây nhiều trục đường



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận Hội nghị

lớn; trung tâm văn hóa thể thao; trung tâm thương mại; bệnh viện đa khoa được trang bị hiện đại; trường cao đẳng – đào tạo nghệ; khu công nghiệp quy mô lớn để thu hút đầu tư các lĩnh vực sản xuất, chế biến nông – lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, lắp ráp ô tô... Cơ cấu kinh tế của toàn thị xã những năm gần đây chuyển dịch một cách nhanh chóng và đúng hướng, tăng dần tỷ trọng thương mại - dịch vụ (50,31%) và công nghiệp - xây dựng (38,47%); giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp (còn 11,22%). Đặc biệt, với vị trí cửa ngõ của các khu du lịch lớn có giá trị về cảnh quan thiên nhiên và văn hóa lịch sử của khu vực các tỉnh phía Bắc (thắng cảnh Vườn Quốc gia Ba Bể, nhiều di tích lịch sử ATK, di tích cách mạng và kháng chiến được Nhà nước công nhận...), trong tương lai không xa, thị xã Bắc Kạn sẽ trở thành một trong những đầu mối của các tour du lịch khu vực phía Bắc. Để phù hợp với thực tế phát triển, góp phần quan trọng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Bắc Kạn nói riêng và vùng Đông Bắc nói chung; đồng thời tạo điều kiện cho thị xã Bắc Kạn tiếp tục phát huy vị thế, tạo cơ hội thu hút đầu tư phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thì việc Bắc Kạn trở

thành đô thị loại III là hoàn toàn đáp ứng được các mục tiêu đề ra. Mặt khác, căn cứ vào Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ “Về việc phân loại đô thị”, thị xã Bắc Kạn cơ bản đã hội tụ đủ các chỉ tiêu theo yêu cầu, trong đó có nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định như: chỉ tiêu kinh tế xã hội (tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất 19,1%; thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 948,56 USD); chỉ tiêu về tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (đạt 79,7%). Các chỉ tiêu về hệ thống công trình hạ tầng đô thị, về kiến trúc cảnh quan đô thị...đều đạt khi tổng hợp, so sánh với các tiêu chí theo quy định trong Nghị định. Đó chính là những cơ sở vững chắc để xây dựng Đề án.

Các báo cáo phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá Đề án có chất lượng cao, thể hiện quyết tâm và nguyện vọng của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân thị xã Bắc Kạn và tỉnh Bắc Kạn. Đại diện Cục Phát triển Đô thị - Bộ Xây dựng góp ý về trình tự thủ tục lập Đề án; kiến nghị tỉnh có Đề cương sử dụng hiệu quả nguồn vốn WB vì Bắc Kạn là một trong bốn đô thị miền núi được ưu tiên nguồn vốn này. Đại diện Bộ Nội vụ đã nêu một số ý kiến về công tác quy hoạch đô thị, về công tác phát triển hạ tầng (chú ý công trình điểm nhấn của một đô thị miền núi, chất lượng nhà ở của người dân, xây dựng hệ thống xử lý nước thải) để Đề án được hoàn chỉnh hơn. Các thành viên Hội đồng đến từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương cũng mong muốn UBND tỉnh chú trọng hơn tới các công trình mang ý nghĩa quốc phòng, các cơ sở công nghiệp nhẹ và nặng trong công tác quản lý quy hoạch đô thị.

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Tam Địch là đô thị loại III

Ngày 27/7/2012 Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Tam Địch tỉnh Ninh Bình là đô thị loại III;

Tham dự Hội nghị có Phó Chủ tịch UBND

Kết thúc Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao những thành tựu mà thị xã Bắc Kạn đã đạt được qua 15 năm phấn đấu trong điều kiện còn nhiều khó khăn của một thị xã vùng núi. Theo Thứ trưởng, các ý kiến của các thành viên Hội đồng đều rất chính xác, khách quan, thể hiện nhiệt tâm chia sẻ với những khó khăn cũng như ưu thế của Bắc Kạn, và sự mong mỏi thị xã ngày càng phát triển hơn, vì cuộc sống của người dân. Thứ trưởng nhất trí với các ý kiến đóng góp của Hội đồng, lưu ý UBND tỉnh và thị xã khắc phục một số chỉ tiêu chưa đạt; quan tâm hơn tới công tác quy hoạch, trong đó có quy hoạch vùng tỉnh; nâng cao chất lượng quy hoạch, chú trọng vào tiềm năng lợi thế sẵn có của địa phương. Thứ trưởng đề xuất tỉnh xác định rõ trong Đề án các giai đoạn phát triển ngắn hạn, dài hạn với những mục tiêu cụ thể gắn với từng giai đoạn. Liên quan tới việc nâng loại cho thị xã Bắc Kạn thành đô thị loại III, Thứ trưởng lưu ý tỉnh xây dựng quy chế quản lý đô thị, chú trọng chất lượng công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị...

Tổng hợp các đánh giá xếp loại của Hội đồng, Đề án đạt điểm trung bình 85,2/100 điểm, đủ tiêu chuẩn để Bắc Kạn trở thành đô thị loại III. Chúc mừng thành công của thị xã Bắc Kạn và tỉnh Bắc Kạn, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị bày tỏ mong muốn: sau khi được nâng loại, Bắc Kạn sẽ phát huy hơn nữa vai trò đô thị hạt nhân của tỉnh, và phấn đấu thực hiện thắng lợi lộ trình trở thành thành phố vào năm 2015.

Lê Minh

tỉnh Ninh Bình Đinh Văn Điển; lãnh đạo các Sở ngành có liên quan của tỉnh Ninh Bình, thị xã Tam Địch; đại diện các Bộ ngành, các Hiệp hội và hội chuyên ngành, các Cục, vụ chức năng của Bộ Xây dựng và các chuyên gia.

Theo Báo cáo của UBND thị xã Tam Điệp, Thị xã Tam Điệp được thành lập năm 1982 và là trung tâm thứ hai (sau thành phố Ninh Bình) về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật,... có vị trí, vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình. Thị xã có diện tích tự nhiên là 104,97 km², dân số nội thị 55.120 người.

Thị xã có quốc lộ 1A chạy qua, cách thủ đô Hà Nội 105 km và cách thành phố Ninh Bình 12 km về phía Nam. Tính chất của thị xã đã được khẳng định là trung tâm công nghiệp của tỉnh, trong đó ưu tiên phát triển các ngành sản xuất VLXD, chế biến nông sản, thực phẩm, may mặc, cán thép; là trung tâm dịch vụ, đào tạo và du lịch vùng Tây Nam tỉnh Ninh Bình, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Về du lịch, thị xã Tam Điệp nằm gần các vùng di tích, thắng cảnh như cố đô Hoa Lư, rừng quốc gia Cúc Phương, suối Kênh Gà, Nhà thờ đá Phát Diệm, khu du lịch tâm linh Bái Đính, khu du lịch sinh thái Tràng An,... Trên địa bàn thị xã có nhiều công trình di tích văn hoá lịch sử, khảo cổ được công nhận cấp quốc gia.

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình nói chung và thị xã Tam Điệp nói riêng đã phát huy nội lực, đoàn kết xây dựng thị xã phát triển mạnh mẽ, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khẳng định vị trí cửa ngõ nối liền giữa hai miền Nam - Bắc của Việt Nam, đồng thời là đầu mối giao thông, giao lưu trong tỉnh và vùng liên tỉnh.

Hướng tới mục tiêu đô thị loại III, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình và thị xã Tam Điệp đã tập trung cao độ, khai thác mọi nguồn lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, mở rộng không gian, tăng cường quản lý và xây dựng văn hoá đô thị.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Tam Điệp ngày càng có vị trí quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch của tỉnh Ninh Bình. Tỷ



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu tại Hội nghị

lệ đô thị hoá của Thị xã Tam Điệp đạt 70,16%, mật độ dân số đô thị là 4.975 người/km², tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 86,09%.

Do được quan tâm đầu tư xây dựng, thị xã Tam Điệp có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển mạnh. Tỷ lệ nhà kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị đạt 94,8%; diện tích sàn nhà ở bình quân nội thị là 15,2 m² sàn/người. Đất công trình dịch vụ công cộng đô thị: 4,95m²/người; chỉ tiêu đất dân dụng: 59,06m²/người; đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở: 3,0 m² /người.

Các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp thoát nước và thu gom, xử lý chất thải cũng được đầu tư phát triển phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế, xã hội và cải thiện các điều kiện vệ sinh môi trường đô thị. Thị xã là đầu mối giao thông cấp tỉnh; tỷ lệ đất giao thông nội thị so với đất xây dựng trong khu vực nội thị đạt 21,79%; mật độ đường trong nội thị: 7,88 km/km². Tỷ lệ dân số nội thị được cấp nước sạch là 89,07%; tỷ lệ thất thoát nước: 29,38%. Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị: 1,57 km/km²; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 25%. Đất cây xanh đô thị: 11,54 m²/người; đất cây xanh công cộng nội thị: 6,78 m²/người. Thị xã đã lập và đang triển khai thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị.

Báo cáo phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định đều đánh giá cao kết quả mà thị xã đã đạt được, đồng thời đóng góp

ý kiến cho việc khắc phục các tiêu chí còn yếu.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị - Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhất trí với những ý kiến đánh giá và góp ý của Hội đồng và cho biết Hội đồng đã có ý kiến đánh giá chính xác, khách quan và có tác dụng thiết thực đối với tỉnh Ninh Bình. Ý kiến của các thành viên Hội đồng đã nêu bật được các thành tựu và kết quả mà thị xã Tam Điệp đã đạt được, phân tích các tiềm năng, thế mạnh cần phát huy cũng như những hạn chế, mặt còn yếu mà thị xã cần nhanh chóng khắc phục. Thứ trưởng đề nghị lãnh đạo tỉnh Ninh Bình và thị xã Tam Điệp nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Hội đồng để có biện pháp phát huy các tiềm năng, thế mạnh, khắc phục các tiêu chí còn yếu của đô thị loại III, bảo đảm cho sự phát triển bền vững của thị xã.

Đánh giá những thành tựu mà thị xã Tam Điệp đã đạt được, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho rằng, Tam Điệp nằm ở cửa ngõ Tây Nam Ninh Bình, có vị trí chiến lược quan trọng đối với an ninh quốc phòng. Thị xã đã đạt được những thành tựu kinh tế xã hội rất ấn tượng, như tăng trưởng kinh tế trong 3 năm gần đây đạt 23,53%, thu ngân sách đạt 240,97 tỷ đồng/năm, tỷ lệ đô thị hoá đạt 70,16%, bộ mặt đô thị khang trang hơn, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt đến 75%, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao. Đây là những kết quả đáng ghi nhận, trong đó phải kể đến sự quan tâm của tỉnh đối với sự phát triển của thị xã với mong muốn thị xã phát triển lên mức cao hơn nữa.

Về chất lượng đô thị, thị xã Tam Điệp có 24/49 chỉ tiêu vượt quy định so với đô thị loại III

mà chưa xét đến đặc thù cho miền núi, 22 chỉ tiêu đạt mức trung bình và 3 chỉ tiêu chưa đạt. Thứ trưởng đề nghị Tam Điệp tập trung cải thiện các chỉ tiêu, có chương trình kế hoạch vượt hơn nữa so với tiêu chuẩn đô thị loại III.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị, Tam Điệp là một thị xã miền núi nhưng phát triển mạnh về công nghiệp, đó là một đặc thù và là điều tốt, nhưng cũng là điều đáng lo ngại về môi trường và cảnh quan thiên nhiên. Vì vậy, Tam Điệp cần chú ý đến việc bảo vệ được cảnh quan, môi trường để đảm bảo đời sống người dân tốt hơn và phát triển du lịch sau này. Bên cạnh đó, thị xã Tam Điệp cần quan tâm hơn tới công tác quy hoạch, trong đó chú trọng hơn đến chất lượng quy hoạch; quy hoạch có tầm nhìn, khả thi, khai thác tối đa lợi thế của mình nhưng vẫn đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đồng thời cần tập trung hoàn thiện quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch và cảnh quan; triển khai công tác thiết kế đô thị; quan tâm xây dựng công trình kiến trúc hiện đại, có bản sắc riêng và quan tâm đến công tác quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu mới của một đô thị loại III; cũng như việc đào tạo bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ làm công tác này; tuyên truyền vận động người dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị.

Theo kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng thẩm định, Đề án đề nghị công nhận thị xã Tam Điệp là đô thị loại III đạt 82,88/100 điểm, đạt chuẩn đô thị loại III.

Huỳnh Phước

Ứng dụng bê tông cát trong xây dựng - vấn đề được ưu tiên hiện nay tại Nga

Ứng dụng bê tông cát trong xây dựng ở Nga - đất nước mà lượng cốt liệu thô được vận tải đạt xấp xỉ 80 tỷ tấn/km/năm - là một nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu. Kết cấu bê tông cát đã được sử dụng phổ biến trong các công trình nhà ở,

đường sá; các công trình đặc biệt, cũng như được sử dụng làm vật liệu trang trí.

Thủ đô Moskva và vùng Moskva, Chiumen, Povolzhe, và nói chung trên phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga thuộc châu Âu hoặc không có

các mỏ cốt liệu thô, hoặc đó là các mỏ đá trầm tích, do vậy việc sử dụng các vật liệu này để sản xuất bê tông cốt thép sẽ bị hạn chế. Việc khai thác và chế biến đá dăm đòi hỏi chi phí rất lớn về năng lượng và nhân công. Khối lượng vận chuyển đá dăm (để phục vụ nhu cầu chế tạo các sản phẩm bê tông cốt thép toàn Liên bang cần ít nhất 140 triệu m³/năm) đạt xấp xỉ 80 tỷ tấn/km/năm. Bên cạnh đó, việc tàn phá đồi núi để khai thác đá đã để lại những hậu quả không thể khắc phục về mặt khí hậu, môi trường tại các vùng bắc Kavkaz, Kareli, Povolzhe của Nga. Do đó, việc bảo đảm nguồn cát (loại vật liệu xây dựng sẵn có tại địa phương) để sản xuất cấu kiện bê tông cốt thép tiền chế sẽ là giải pháp hữu hiệu

Bê tông cát đã được nghiên cứu một cách có hệ thống từ thời Liên bang Xô Viết trong thập niên 50 của thế kỷ XX, và bắt nguồn từ việc tổ chức dây chuyền sản xuất bê tông cốt thép tại các vùng không có nguồn cốt liệu thô. Trong thực tế xây dựng, bê tông cát được sử dụng rộng rãi. Các đặc tính của bê tông cát, các yêu cầu đối với cốt liệu, chất kết dính và phụ gia cũng như công nghệ sản xuất, đầm nén và xử lý nhiệt đều đã được nghiên cứu kỹ. Việc sử dụng bê tông cát thay cho bê tông cốt liệu đá dăm giúp nâng cao hiệu quả kinh tế trong xây dựng và đạt được nhiều ưu điểm vượt trội do đã đơn giản hóa công nghệ sản xuất vữa bê tông, đồng thời bỏ qua được công đoạn phân loại, xử lý và bảo quản đá dăm.

Về nguyên lý, bê tông cát có các tính chất cơ lý cao hơn so với bê tông cốt liệu thô, có tuổi thọ cao hơn, nhờ đó giảm được trọng lượng kết cấu, nâng cao mức độ tin cậy của loại sản phẩm này. Một số biện pháp kỹ thuật thông thường không áp dụng với bê tông cốt liệu thô có thể được áp dụng trong quy trình sản xuất bê tông cát. Bởi vậy, tại các khu vực phải nhập đá dăm từ nơi khác, giá thành các sản phẩm từ bê tông cát có thể thấp hơn tới 25% so với bê tông cốt liệu đá dăm.

Nhược điểm cơ bản của bê tông cát là tiêu hao nhiều xi măng, nguy cơ biến dạng cao dưới tác động của tải trọng, và các công nghệ sản xuất cần được kết hợp một cách thận trọng. Cho tới những năm 70 của thế kỷ XX, bê tông cát được sử dụng chủ yếu để sản xuất các kết cấu không cốt và có kích thước nhỏ. Thời kỳ này tại Nga còn thiếu các cơ sở tiêu chuẩn, thiếu lòng tin vào sản phẩm từ phía các nhà xây dựng, hơn nữa việc tiêu hao xi măng bị quy định một cách cứng nhắc. Hai phương pháp cơ bản để chế tạo các kết cấu bê tông cát được áp dụng rộng rãi hơn cả trong thực tế sản xuất tại các nhà máy chế tạo bê tông cốt thép tiền chế là công nghệ nén rung (thường được áp dụng cho các kết cấu không cốt và có kích cỡ nhỏ), và đúc trên một bàn rung tiêu chuẩn, hoặc bàn rung chuyên dụng (đối với các kết cấu bê tông cốt thép kích thước lớn). Phần lớn các sản phẩm bê tông cát có kích thước nhỏ như gạch bó vỉa hè cho các tuyến quốc lộ và đường nội bộ, gạch lát vỉa hè, sàn nhà, các tấm ốp tường và gạch ốp chân tường được sản xuất trên các dây chuyền tự động được trang bị bằng các thiết bị nén rung sản xuất trong nước. Công suất của các dây chuyền này tại LB Nga đã vượt con số 500 nghìn m³ sản phẩm mỗi năm.

Những công nghệ cũng như trang thiết bị lần đầu tiên được áp dụng trong nước để sản xuất các kết cấu kích thước nhỏ đã cho phép áp dụng các loại vữa cát - xi măng có bề mặt cứng chắc đặc biệt qua khâu xử lý bằng phương pháp rung nén, để thu được những sản phẩm có độ bền cao.

Các kết quả kiểm tra, đánh giá tổng hợp chất lượng gạch bó vỉa hè bằng bê tông cát được nén rung tại Đại lộ Lê Nin - Moskva (thời gian sử dụng đã 26 năm) cho thấy: các sản phẩm này không có dấu hiệu bị phá hủy theo thời gian. Trong khi đó, gạch bó vỉa từ bê tông nặng cốt liệu thô được sản xuất theo công nghệ truyền thống sẽ bị phá hủy sau 2-3 năm do ảnh hưởng của băng tuyết.

Các nghiên cứu về các cấu kiện được sản xuất bằng phương pháp rung nén đã được triển khai khá nhiều trong những năm gần đây, trước hết là các cấu kiện dùng để xây nhà thấp tầng và phục vụ công tác chỉnh trang đô thị.

Các cấu kiện dùng trong xây nhà thấp tầng có kích thước nhỏ đã được nghiên cứu gồm có: khối móng, tường bên ngoài (tường giữ nhiệt), tấm lợp, tường ngăn, gạch ngói, bậc cầu thang, bậc tam cấp...

Để chế tạo các cấu kiện trên, công nghệ chủ yếu là công nghệ rung nén, còn cốt liệu duy nhất là loại vật liệu xây dựng sẵn có tại chỗ rẻ nhất - đó là cát.

Đặc điểm của phương pháp rung nén không chỉ tạo ra các sản phẩm đa dạng, mà còn đưa ra khả năng tận dụng cát sông, trong đó có cát pha sét và cát hạt nhỏ không qua xử lý trước.

Trong danh mục các sản phẩm còn có thể liệt kê cả những vật liệu phục vụ công tác chỉnh trang đô thị như: tường vây, các phiến bê tông lát đường hoặc làm sân bãi đỗ xe... và các phụ liệu trang trí cho các tòa nhà.

Các xí nghiệp nhỏ với hình thức sản xuất đặc thù dựa trên quy mô vốn đầu tư nhỏ, thời gian hoàn vốn nhanh hoàn toàn có thể tổ chức dây chuyền sản xuất các kết cấu xây dựng từ bê tông cát có kích thước nhỏ, trước hết do loại bê tông này có giá cả hợp lý, tùy thuộc vào từng phương pháp chế tạo khác nhau:

- sản phẩm chế tạo bằng phương pháp rung nén đặc biệt (gạch ngói, các vật liệu chỉnh trang đô thị...);
- sản phẩm được nén từ vữa "gầy" có thành phần không khí không quá 10% (các khối tường bên trong, khối móng, tấm lợp, tường ngăn);
- Sản phẩm chế tạo từ vữa tương đối chắc cứng, trên các bàn rung (dầm mái, bậc tam cấp, lanh tô...);
- bê tông bọt có thành phần không khí tới 95% (tấm tường giữ nhiệt).

Cát là cốt liệu duy nhất trong bê tông cát – có giá thành rẻ, đồng thời là loại vật liệu xây

dụng phổ biến dễ kiếm nhất (tại Nga, giá thành của loại vật liệu này rẻ hơn 2 -3 lần so với đá dăm, và rẻ hơn 6 - 8 lần so với sỏi).

Trong việc sản xuất ra các chế phẩm từ bê tông cát, có rất nhiều biện pháp kỹ thuật mới đã được sáng tạo ra và được cấp Bằng Sáng chế của LB Nga. Một trong những Bằng Sáng chế đó được cấp cho loại gạch cách nhiệt. Sự cần thiết phải duy trì đặc tính giữ nhiệt của tường theo các yêu cầu của tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng mới (SNIIP) khiến tường xây từ các vật liệu truyền thống như gạch nung, bê tông xốp, bê tông tổ ong không còn tính kinh tế như trước nữa.

Gạch cách nhiệt (gạch block) là loại gạch dùng để xây tường có kích thước tiêu chuẩn 390 x 190 x 188 mm, có lớp bề mặt được làm từ bê tông cát cường độ cao và bê tông bọt với khối lượng thể tích 150kg/m³. Loại gạch này được sản xuất bằng phương pháp rung nén và được gia cường đồng thời bằng bột khoáng, có khả năng chịu lực cao, có thể sử dụng để xây những ngôi nhà thấp tầng và cao tầng, với các đặc tính giữ nhiệt tốt và giá thành rẻ hơn tất cả các loại vật liệu xây tường hiện có trên thị trường. Việc sử dụng các loại gạch block thay cho các vật liệu xây truyền thống thực sự sẽ làm hạ giá thành xây dựng nhà ở.

Áp dụng bê tông cát như một loại vật liệu cơ bản đối với tất cả các kết cấu trong một tòa nhà; ứng dụng biện pháp rung nén như một công nghệ cơ bản; không cần cốt trong phần lớn các kết cấu; và không cần gia công tinh sửa bên ngoài - tất cả những điều đó tạo nên một hệ thống xây dựng hợp lý nhất trong thực tế xây dựng tại Nga cũng như ở nhiều quốc gia khác trên thế giới. Giá thành mỗi m² nhà ở (chưa tính giá hoàn thiện nội thất và dịch vụ công cộng) từ 80 -100 USD, tức là rẻ hơn rất nhiều so với giá mà các công ty xây dựng của Nga và các công ty nước ngoài đang chào trên thị trường. Khả năng hoàn thiện việc xây một ngôi nhà ở chỉ dựa vào nhân công mà không cần xe cẩu, máy móc...có thể giúp giảm thêm giá thành xây

dụng. Các nhà sản xuất Nga đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm quý giá trong việc chế tạo những sản phẩm kích thước nhỏ từ bê tông cát theo công nghệ truyền thống. Điển hình là Nhà máy Vật liệu xây dựng Moskva với những sản phẩm từ bê tông cát: các viên bê tông làm đường; các khối (khối) tường của tầng hầm; các tấm móng băng; các khối tường nội thất; các panel tấm lợp; các panel tường ba lớp với các lớp bảo vệ chịu lực từ bê tông cát; các chi tiết của tường vây; các cọc; bậc cầu thang - bậc tam cấp; các tấm gia cố mái dốc; các tấm ngăn kênh (mương)...

Các nghiên cứu và kinh nghiệm thiết kế cùng với thực tiễn sản xuất đã chỉ ra rằng: đối với phần lớn các vùng trên lãnh thổ Nga, việc loại bỏ đá dăm khỏi thành phần vữa bê tông là giải pháp đơn giản mà rất hiệu quả; và hiệu quả sẽ rất to lớn, nếu trong khi thiết kế các kết cấu, các nhà xây dựng tính tới đặc điểm tính chất của bê tông cát, phương pháp chế tạo; cũng như khi lựa chọn các cốt liệu, các phụ gia hoá chất và chất kết dính một cách hợp lý. Hiện nay, một số phương pháp chế tạo các kết cấu từ bê tông cát bằng các thiết bị tiêu chuẩn không tiêu tốn xi măng quá mức cho phép đã được áp dụng một cách triệt để trong thực tế sản xuất tại nhiều xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của Nga. Có thể nêu ra đây một số bước :

- hạ mác bê tông (trong khi duy trì khả năng chịu lực của các kết cấu);
- giảm trọng lượng riêng của vật liệu;
- áp dụng vữa “gầy”;
- áp dụng cát hạt to (cát thô), tro xỉ nhà máy nhiệt điện, các phụ gia hóa chất đặc biệt.

Các công trình nghiên cứu trong những năm gần đây đã nâng tầm hiểu biết và kiến thức về bê tông cát. Các chuyên gia đã nghiên cứu:

- nguyên tắc phân loại bê tông cát (theo từng nhóm). Xác định tính chất cơ lý của vật liệu trong từng nhóm;
- phương pháp gia giảm thành phần bê tông nhằm đạt được những kết quả khả quan nhất;

- cấp độ mới của bê tông cát - các loại bê tông kết cấu được chế tạo từ vữa “gầy”;

- quy luật sử dụng cốt liệu cát trong thành phần bê tông cát, qua đó các phương tiện tính toán cho phép không những đánh giá chất lượng cát theo kích cỡ hạt, mà còn xác định mục đích sử dụng cũng như thành phần tối ưu của cát;

- các tính chất hoạt động của bê tông cát với cốt, từ đó cho phép chế tạo các kết cấu bê tông cốt thép kích thước lớn;

- các đặc điểm quy trình kỹ thuật trong chế tạo sản phẩm;

- các phương pháp chế tạo những sản phẩm bê tông cốt thép kích thước nhỏ bằng phương pháp rung nén.

Thực tế ứng dụng bê tông cát cho phép xác định các lĩnh vực cơ bản trong ngành công nghiệp bê tông cốt thép lắp ghép như sau: xây dựng cầu đường (viên gạch bê tông lát lề đường, gạch lát vỉa hè, các yếu tố tạo hình khi lát đường); chế tạo các kết cấu chịu nén (cột, các khối tường); trong các kết cấu tường mỏng có các kích cỡ hoặc kích thước riêng phụ thuộc vào độ lớn các hạt của cốt liệu thô (tấm lợp panel, cọc); chế tạo các kết cấu có trạng thái ngưng được xác định bằng sự xuất hiện các vết, khe nứt (ống); trong các kết cấu có độ bền nghỉ bằng độ bền thiết kế; chế tạo các kết cấu liên quan tới thi công trong môi trường nhiệt độ cao hoặc thấp.

Bê tông cát ngày càng được áp dụng rộng rãi để tạo ra các vật liệu trang trí, gia công. Tuổi thọ cao của sản phẩm, vẻ ngoài bắt mắt, sản xuất đơn giản và giá thành rẻ - tất cả những điều này đã mở ra một thị trường tiềm năng cho sản phẩm. Để chế tạo ra các viên gạch trang trí, trong dây chuyền công nghệ sản xuất (ví dụ dây chuyền sản xuất gạch lát vỉa hè) cần có một số thay đổi về trang thiết bị để chế tạo được những viên gạch mấp mô, lồi lõm hoặc “có hạt” nổi.

Các chất tạo màu cho bê tông xuất hiện trên

thị trường trong những năm gần đây đã tạo khả năng chế tạo được những sản phẩm bê tông với màu sắc phong phú. Bằng các thiết bị nội địa, chất tạo màu không chỉ được đưa vào bê tông, mà còn làm cho bê tông có lớp màu độc đáo.

Bề ngoài “bị nghiền vỡ” của bê tông cát khá hiệu quả, khi những viên gạch (khối) bê tông chắc cứng được đưa vào các máy nghiền. Sự độc đáo của các viên gạch vỡ này có thể so sánh với đá hoa cương tự nhiên. Các phương pháp gia công vừa nêu có thể được áp dụng để chế tạo các khối bê tông xây tường cũng như chân bệ trong các tòa nhà mà không cần thêm sự gia công nào nữa. Các khối bê tông cát được mài nhẵn cũng mang lại những hiệu quả không ngờ. Thông thường, quá trình mài có gồm có 2 công đoạn, và việc cắt gọt các rìa mép được thực hiện hoàn toàn bằng các thiết bị sản xuất tại Nga với giá thành không cao.

Phương pháp đưa các lớp tạo hình từ bê tông cát và các chất độn phụ gia lên bề mặt cứng của các viên gạch xây đang được nghiên cứu. Những thử nghiệm được tiến hành ở điều kiện nhiệt độ trong phòng thí nghiệm cho kết quả: lực dính bám của lớp tạo hình rất cao.

Trong những năm gần đây, nhu cầu về các sản phẩm có kích thước nhỏ sử dụng trong xây dựng cầu đường (nhất là gạch lát vỉa hè) với kiểu dáng đơn bằng bê tông dẻo ngày càng gia tăng; do đó yêu cầu về đặc tính để xây lát của

vữa bê tông được nén rung trên các bàn chấn động tiêu chuẩn cũng tăng lên, và tính chất này đạt được nhờ các chất tạo dẻo (tốt nhất là C-3) hoặc chất kết dính có lượng dùng nước thấp. Dù công đoạn xử lý nhiệt ẩm các viên gạch rất cần thiết, song giá thành cao của vữa bê tông và chi phí nhân công cao hơn so với việc áp dụng phương pháp rung nén, nên phương pháp này vẫn được áp dụng rộng rãi, bởi vốn đầu tư ban đầu để tổ chức sản xuất không nhiều, và sản phẩm làm ra hợp thị hiếu người tiêu dùng.

Như vậy, việc chuyển sản xuất từ bê tông với các nguyên liệu thô sang bê tông cát đã mang lại hiệu quả kinh tế đặc biệt có ý nghĩa đối với những khu vực mà giá thành giữa nguyên liệu cát và đá dăm chênh lệch quá lớn. Cấp độ của các công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực bê tông cát, cũng như thực tế ứng dụng của loại vật liệu xây dựng này tại Nga cho phép đưa ra kết luận rằng: lĩnh vực ứng dụng bê tông cát cần được xem xét đánh giá bởi một tiêu chí thống nhất – đó là mục tiêu kinh tế; và hướng tới mục tiêu này thì bê tông cát sẽ trở thành loại vật liệu xây dựng cơ bản của Nga trong thế kỷ XXI.

K.I. Lvovich

*Nguồn: Tạp chí Vật liệu xây dựng Nga
số 5/2011*

ND: Lê Minh

Xây dựng hệ thống đường trên cao trong các đô thị - Kinh nghiệm của các nước trên thế giới

Hoạt động giao thông tại các đô thị lớn có liên quan mật thiết tới sự điều tiết lưu lượng, phân làn, phân luồng các dòng phương tiện giao thông. Tính chất phức tạp của công tác điều tiết giao thông tại các đô thị càng rõ nét hơn bởi sự cần thiết đảm bảo công việc vận chuyển hàng hóa và vận chuyển hành khách giữa các khu vực khác nhau của thành phố, cũng như rất nhiều mối liên hệ giữa giao thông

và cư dân đô thị. Thành phố càng lớn, những mối liên quan đó càng nhiều. Ngoài ra, các đô thị lớn, nhất là các siêu đô thị còn đóng vai trò là đầu mối của các tuyến đường quốc lộ, trên đó thể hiện chuyển động của các dòng phương tiện - không chỉ là các dòng kết thúc trong thành phố, mà còn chạy qua thành phố dưới dạng trung chuyển. Như vậy, trong một đô thị lớn, tình hình giao thông luôn trầm trọng một

phần do sự di chuyển của cư dân đô thị cũng như cự ly bình quân của các dòng chuyển động gia tăng, một phần do nhiều dòng giao thông tuy về bản chất là giao thông nội đô, song đối với khu vực đô thị lớn lại đóng vai trò trung chuyển, hơn nữa khả năng chịu tải lên mạng lưới đường - tuyến phố (vốn hạn chế về năng lực vận tải) sẽ bị gia tăng. Tình hình ùn tắc giao thông đặc biệt nghiêm trọng tại trung tâm các đô thị lớn – nơi mật độ dân cư biến thiên hàng ngày; theo đó, các dòng giao thông luôn có mật độ rất cao, trong khi năng lực vận tải của mạng lưới tuyến phố bị hạn chế.

Một vấn đề nữa có ảnh hưởng tới mức độ chịu tải của mạng lưới đường giao thông tại các đô thị lớn chính là số lượng ô tô ngày càng nhiều. Những thay đổi trong đời sống chính trị và kinh tế của nước Nga từ những năm 90 của thế kỷ XX đã tạo tiền đề cho sự gia tăng số lượng ô tô một cách nhanh chóng. Tới thời điểm hiện nay, tại các đô thị lớn của Nga, lượng ô tô tính theo đầu người là 250 - 300 xe con /1000 dân. Chỉ số tương tự của các đô thị tại các nước phát triển là 450- 650 xe con /1000 người. Dù nước Nga hiện nay chưa đạt được tốc độ ô tô hóa so với nhiều nước phương Tây; song tại các thành phố lớn của Nga, ùn tắc giao thông đã là một trong những vấn đề bức thiết nhất, đòi hỏi Chính phủ cần nhanh chóng có giải pháp. Do đó, việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới từ lâu đã trở thành một nhiệm vụ rất cấp bách đối với Nga.

Khi xem xét kinh nghiệm của các nước phát triển trong việc nghiên cứu các biện pháp khác nhau nhằm cải thiện tình hình giao thông, các chuyên gia Nga đã đúc kết được một điều: chỉ một biện pháp riêng lẻ nào đó thì chưa thể tìm ra lời giải cho toàn bộ các bài toán giao thông, mà cần tổng hợp nhiều giải pháp về kiến trúc xây dựng đô thị, về kỹ thuật, quản lý hành chính. Đồng thời, bằng các xu hướng cơ bản trong việc giải quyết các vấn đề giao thông tại đô thị lớn, có thể chia ra: giải pháp cho việc



Đường trên cao ở Nhật Bản

phát triển mạng lưới đường - tuyến phố và giải pháp tổ chức giao thông đường bộ.

Những đặc điểm nêu trên của giao thông tại một đô thị lớn khi số lượng ô tô gia tăng từng ngày và mật độ phương tiện rất cao đã đặt ra nhiệm vụ chính yếu trong việc phát triển mạng lưới đường - tuyến phố, cũng như trong lĩnh vực tổ chức giao thông đường bộ là: cần phân chia các luồng phương tiện di chuyển tới những khoảng cách xa mà lại gắn với sự phục vụ của khu vực. Ở các nước tiên tiến, nhiệm vụ này được giải quyết bằng cách chia toàn bộ mạng đường bộ thành mạng lưới giao thông đô thị trên cao với chức năng thực hiện cả việc trung chuyển tới các khu vực tiếp theo; và mạng lưới các đường phố bảo đảm phục vụ các vùng lân cận. Các tuyến của mạng lưới giao thông trên cao thuộc về các tuyến đường quốc lộ - tức là theo nguyên tắc - thuộc về mạng lưới giao thông công cộng quốc gia, hay tối thiểu là mạng giao thông của toàn vùng.

Bài báo này đề cập tới kinh nghiệm phát triển các tuyến đường giao thông trên cao tại các đô thị lớn của châu Âu, châu Á, châu Úc và Bắc Mỹ.

Lịch sử của vấn đề

Những chiến lược đầu tiên nhằm giải quyết vấn đề giao thông đã được hoạch định từ những năm 30 của thế kỷ XX tại Mỹ - đất nước đầu tiên trên thế giới phải đối mặt với sự gia tăng nhanh chóng số lượng ô tô. Những chiến lược này đều xem xét sự gia tăng khả năng vận tải của mạng

lưới đường - tuyến phố hiện có, nhờ tăng số lượng làn xe; xây dựng các nút giao thông; loại bỏ các đèn báo hiệu. Tuy vậy, người ta cũng nhanh chóng hiểu ra một vấn đề: phương thức phát triển như vậy chỉ cho phép giải quyết những vấn đề tức thời, tại những nút giao thông riêng lẻ, hoặc trên từng phần của mạng lưới đường phố. Còn trong trường hợp số lượng ô tô gia tăng, các vấn đề giao thông (năng lực vận tải chưa đạt, ùn tắc...) ngày càng diễn ra thường xuyên trên hầu hết các tuyến phố. Điều này cho thấy: phương thức phát triển cục bộ như trên bị coi là bế tắc, do không thể đảm bảo cho việc mở rộng mạng lưới tuyến phố hiện có, đồng thời không theo kịp tốc độ gia tăng mức tải giao thông đô thị.

Trong những năm gần đây, tại nhiều thành phố của các quốc gia trên thế giới - trong đó có các thành phố của Nga - chiến lược mới xem xét một cách toàn diện sự phát triển của mạng lưới đường - tuyến phố hiện nay, nâng cao chất lượng khai thác giao thông của các tuyến đường, xây dựng các tuyến vòng cung và các đường vành đai, xây các đường đôi xuyên tâm... đã được thông qua. Mặc dù chiến lược này cho tới nay vẫn đầy triển vọng thực hiện tại các thành phố của Nga; song tại nhiều nước khác, giải pháp như vậy lại bị coi là không khả thi. Vấn đề ở chỗ: mặc dù độ dài mạng đường - tuyến phố được chú ý tăng thêm, song nhiệm vụ trọng tâm là tăng năng lực vận tải của mạng lưới đường - tuyến phố trong thành phố vẫn không được giải quyết. Bên cạnh đó, không gian đô thị bị phá vỡ, và việc sử dụng mạng lưới tuyến phố để tổ chức giao thông công cộng cũng phức tạp hơn. Bài toán về các bãi đỗ xe trên thực tế hầu như chưa thể tìm ra lời giải.

Đối với Nga, cho tới những năm 90 của thế kỷ XX - khi việc mua ô tô còn bị hạn chế - chiến lược như vậy được coi là đúng đắn vì đóng vai trò công cụ kìm hãm mức gia tăng số lượng ô tô. Hiện nay, tại Moskva, để tránh ùn tắc giao thông, cần có phương án mở rộng thêm mạng



Hệ thống đường trên cao ở Thành phố Thượng Hải, Trung Quốc

lưới tuyến phố tới 5 - 6 lần so với thực tế hiện có. Tuy vậy, các nguồn tài nguyên đất đai và tài nguyên xây dựng đô thị của thành phố chưa cho phép đạt được điều này. Trong khi đó, tại nhiều nước phát triển trên thế giới, một chiến lược khác xem xét việc duy trì mạng lưới đường - tuyến phố hiện hữu, đồng thời thiết lập mạng giao thông trên cao của các tuyến đường đô thị kết nối với mạng lưới các đường quốc lộ trong vùng đang được triển khai thực hiện. Theo đó, mạng lưới đường - tuyến phố trên mặt đất không phải thực hiện chức năng giao thông chung trong thành phố nữa (mà đối với các đường phố giờ đây chỉ thực hiện chức năng trung chuyển), đưa mạng tuyến phố phục vụ giao thông công cộng vận chuyển hành khách trên mặt đất và phục vụ giao thông nội vùng; còn chức năng giao thông chung trong thành phố được chuyển cho mạng lưới các tuyến đường trên cao.

Nhờ chiến lược này, gần 80% giao thông công cộng của thành phố được thực hiện trên mạng lưới các tuyến đường đô thị trên cao, nên tải trọng lên mạng tuyến phố giảm được từ 3 - 5 lần, đồng thời năng lực giao thông cũng như sự thuận tiện đối với giao thông khắp thành phố được nâng cao.

Xu hướng phát triển trên đã thâm nhập vào Mỹ từ thập kỷ 50, và vào các nước Tây Âu và Nhật Bản từ thập kỷ 60 - 70 của thế kỷ XX. Tuy nhiên, nhược điểm nổi bật của nó là thời gian

thực hiện có thể bị kéo dài tới hàng chục năm. Tại Mỹ, chương trình như vậy cho các siêu đô thị tới thời điểm hiện tại cũng chưa được thực hiện triệt để. Tình hình tương tự diễn ra tại nhiều quốc gia khác. Chẳng hạn, tại Nhật Bản năm 1966, dự án phát triển mạng lưới đường cao tốc quốc gia (dự tính tổng chiều dài 7600 km) đã được triển khai. Đồng thời, tại các đô thị lớn của Nhật, các dự án xây dựng tuyến giao thông đô thị trên cao cũng được thực hiện (ví dụ: tại Tokyo dự án đường trên cao đã được thông qua vào năm 1967). Sau 20 năm, năm 1987, kế hoạch này được xem xét lại, và một số tiêu chí mới về độ dài mạng lưới tuyến đường cao tốc quốc gia đã được đưa ra. Theo các văn bản mới, mạng lưới đường cao tốc cần được kéo dài tới 14 nghìn km. Tới thời điểm tháng 3/2005, tổng chiều dài mạng lưới đã đạt 8730 km (xấp xỉ 62% kế hoạch đề ra). Cùng thời gian đó, tại Tokyo, dù toàn bộ chương trình xây dựng đường sá cho tới năm 2016 đã hoàn thành, dự án đường trên cao vẫn chưa hoàn thiện toàn bộ.

Tuy đòi hỏi nhiều thời gian và nguồn vốn rất lớn, song chiến lược nêu trên vẫn cho phép triển khai một cách đồng bộ mạng lưới đường - tuyến phố của thành phố, phân bố hợp lý việc xây dựng các công trình nhà ở để giao thông có thể thực hiện đúng chức năng, phát triển mạng lưới đường trên cao, bảo vệ không gian lịch sử và nâng cao chất lượng cuộc sống trong thành phố.

Khái niệm và sự phân cấp của các tuyến đường trên cao

Tại các nước, các tuyến đường trên cao trong đô thị có những tên gọi khác nhau (“expressway”, “highway”, “freeway”, “main road”, “motorway”...). Trong các văn bản tiêu chuẩn của Nga, khái niệm “đường cao tốc” được hiểu là những tuyến đường và những tuyến phố có chức năng giao thông công cộng trong thành phố (SNiP 2.07.01-89 “Xây dựng đô thị. Quy hoạch và xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn”, 1989). Tuy nhiên, thuật ngữ “đường cao tốc” trong điều kiện giao thông

đô thị chưa hoàn toàn chính xác. Chẳng hạn, tại nhiều quốc gia khác, tốc độ cho phép trên các đường này (dòng chuyển động liên tục) trong thành phố tối đa chỉ 60 - 70 km/h. Do đó, khái niệm “đường cao tốc” cần được hiểu là đường có năng lực vận tải cao, chứ không phải là vận tốc cho phép cao. Bên cạnh đó, khái niệm tuyến đường trên cao bao gồm không chỉ các đường có dòng chuyển động liên tục mà còn cả các đường có đèn báo điều khiển. Tuy vậy, trong bất cứ trường hợp nào, tuyến đường loại này cũng cần đảm bảo chức năng chính yếu là năng lực vận tải.

Áp dụng biện pháp nào để đạt được năng lực vận tải cao đối với các tuyến đường trên cao? Lời giải đáp cho câu hỏi này có thể tìm thấy qua một số phân tích về sự phân cấp mạng lưới đường - tuyến phố trong đô thị của các nước trên thế giới. Tại các quốc gia khác nhau, việc phân cấp một con đường hay một tuyến phố nào đó thường được tiến hành dựa trên chức năng của đường / phố đó trong mạng lưới đường - tuyến phố, và dựa vào chất lượng liên kết. Ví dụ, tại Nhật, theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia hiện hành, tất cả các đường phố trong cả nước được chia thành 4 loại, mỗi loại lại được chia thành nhiều cấp độ khác nhau. Các tuyến đường cao tốc dành cho ô tô – tùy theo vị trí ở ngoại ô thành phố hay trong khu dân cư thuộc đường loại I và II, còn những đường phố khác cũng tùy thuộc vào vị trí để xếp vào loại III hoặc IV.

Thông thường, chỉ có 2 mức phân cấp theo tính chất liên kết và 3 mức phân cấp theo chức năng: đường thuộc mạng giao thông quốc gia, giao thông nội vùng (quận) hay giao thông công cộng (thành phố). Sự phân cấp này bắt nguồn từ công suất vận tải, còn các tiêu chuẩn thiết kế của mạng đường - tuyến phố được gắn kết với các cấp độ của các tuyến đường.

Trong công tác phân cấp đường phố tại các thành phố của Mỹ, Canada, Úc và nhiều quốc gia khác hiện nay, việc phân loại mạng lưới

tuyến phố được tiến hành phù hợp với chức năng lưu thông (mobility) và phù hợp với vùng miền (land access). Theo đó, chức năng lưu thông có thể bao gồm nhiều yếu tố về chất lượng như tiện ích của lưu thông, lưu thông với tốc độ cố định, thời gian đi lại... Từ chức năng, việc tổ chức các nhánh ra và nhánh vào phần đường đi chính sẽ được quy định cụ thể. Theo nguyên tắc này, có 3 loại đường khác nhau được phân biệt: đường huyết mạch, đường gom và đường nội địa. Mạng lưới tuyến phố trong khu vực bảo đảm phục vụ giao thông nội địa và hoàn toàn có thể kết nối với vùng lân cận. Các tuyến đường huyết mạch là những tuyến có mức độ lưu thông cao cũng như khối lượng lớn các dòng lưu thông được phân chia. Mạng đường gom gần như phục vụ cho cả hai chức năng trên. Trong các tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới đường - tuyến phố, việc phân bố các đường tiếp giáp với tuyến đường nội địa, số lượng và tính chất các điểm giao, sự xuất hiện các trở ngại đối với lưu lượng dòng giao thông chính - những vấn đề liên quan trực tiếp tới năng lực vận tải và mức độ an toàn của giao thông đường bộ - được đặc biệt chú ý.

Tại Mỹ không có các tiêu chuẩn thống nhất giữa các thành phố về việc thiết kế mạng lưới đường - tuyến phố được Liên bang thông qua, mà những tiêu chuẩn như vậy được thay thế dần bằng những cải cách trong các quy định của Hiệp hội Giao thông cầu đường Hoa Kỳ (AASHTO). Từng bang khác nhau có những quy định giống nhau, và tất cả các quy định đều tính tới tính chất pháp lý trong khu vực, điều kiện khí hậu - tự nhiên... Trong các văn bản tiêu chuẩn của các bang có thể có những sự phân cấp khác nhau, trong đó có thể phân ra mạng lưới chính cũng như mạng lưới phụ các tuyến huyết mạch, và mạng đường gom. Một hệ thống phân cấp tương tự cũng được chấp nhận tại nhiều quốc gia khác và - ví dụ tại thành phố Toronto (Canada) - các tuyến đường cao cấp của thành phố đều thuộc 2 loại: tuyến đường

cao tốc và tuyến đường huyết mạch chính. Sự phân cấp tương tự cũng có thể gặp tại nhiều thành phố của các nước Tây Âu (Hà Lan, Thụy Điển, Na Uy...).

Tại Nga, sự phân cấp cũng được tiến hành theo chức năng của các tuyến đường, tuy nhiên trong vấn đề này còn thiếu khái niệm về tính chất liên kết cũng như sự bảo đảm năng lực. Những thiếu sót về mặt nguyên tắc này càng nghiêm trọng hơn bởi các đặc điểm giao thông của Nga cũng như các bài toán tổ chức giao thông tại Nga - những vấn đề trở nên bức thiết khi số lượng ô tô ngày càng nhiều, mật độ lưu thông ngày càng cao. Các tuyến đường cao cấp chạy qua song cách xa các công trình xây dựng - theo nguyên tắc - trên các cung đường này tuyệt đối cấm đỗ xe, và cấm xe đạp, người đi bộ lưu thông. Trên mạng lưới đường - tuyến phố nội vùng, các biện pháp hạn chế giao thông cho các tuyến đường loại trên được thực hiện có tác dụng "làm dịu" tình hình giao thông và hạn chế tốc độ. Tất cả những điều này cho phép đạt được những chuyển biến rõ rệt của mạng đường - tuyến phố và bảo đảm năng lực vận tải cao của các mạng đường trên cao, cũng như mức độ an toàn khi lưu thông bộ trên các đường phố trong khu vực.

Các chỉ số cơ bản của mạng giao thông đô thị trên cao

Các chỉ số về độ dài hoặc mật độ của mạng lưới tuyến phố luôn liên quan tới sự phát triển của mạng. Để đánh giá mức độ phát triển, tác giả bài báo dẫn ra những số liệu liên quan tới các tuyến đường trên cao tại Tokyo, Berlin và Moskva - 3 siêu đô thị trên thế giới. Hiện tại, Moskva khá tụt hậu so với Tokyo và Berlin nếu nói về mật độ và độ dài tương ứng của mạng lưới đường; và yêu cầu đặt ra là cho tới năm 2015, các chỉ số trên cần được cân bằng. Tuy vậy, xét về mật độ của các tuyến đường lưu thông liên tục hoặc các tuyến đường cần thiết để bảo đảm chức năng lưu thông, Moskva lại đứng ở mức ngang bằng so với hai thành phố

kia; và cho tới năm 2015 cần vượt các chỉ số của Tokyo và Berlin từ 1,5 - 2 lần.

Tại các quốc gia khác nhau, các biện pháp khác nhau để xác định độ rộng phần đường đi và độ rộng các làn lưu thông của các tuyến đường trên cao đang được xem xét nghiên cứu. Ví dụ, ở Nhật Bản, trên các tuyến đường cao tốc quốc gia (cấp 1) độ rộng của làn đường là 3,5m; còn trong điều kiện đường xá chật hẹp – 3,25m. Nếu tuyến đường thuộc mạng thị chính hoặc đi qua trung tâm thành phố, chiều rộng của làn đường là 3,25m; trong điều kiện đường chật hẹp là 3m. Tại Mỹ, trên các tuyến đường đô thị loại này, độ rộng của các làn lưu thông là 3,6m; tại Đức là 3,5m; tại Trung Quốc - từ 3,5 đến 3,75m; tại Nga là 3,75m.

Để hợp nhất và phân nhánh các tuyến, hoặc tổ chức các đường nhánh ra và nhánh vào các tuyến này, Mỹ áp dụng nguyên tắc cộng số học số lượng các làn đường; và đôi khi trên một vài đoạn của các tuyến đường có những hành lang rất rộng, trong đó tổng số các làn có thể đạt tới con số 16 - 18 cho cả 2 chiều. Tuy nhiên, khi tính toán 5 làn giao thông cho một chiều thì năng lực vận tải của các tuyến đường không được nâng lên, vì các rào ngăn phân chia các dòng chuyển động sẽ được thiết lập.

Tại Nhật Bản, do thiếu diện tích nên một chiều đường thường có 2 – 3 làn lưu thông. Khi

Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị của thành phố Lan Châu, Trung Quốc

Công trình hạ tầng đô thị là cơ sở vật chất của sinh hoạt đô thị, là bộ phận cấu thành quan trọng nhất của hình thức vật chất đô thị, có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của đô thị.

Thành phố Lan Châu là thủ phủ của tỉnh Cam Túc, Trung Quốc, đã xác định đến năm 2014 sẽ thực hiện thành công mục tiêu xây dựng xã hội sung túc toàn diện. Thông qua việc nghiên cứu các mục tiêu xây dựng công trình hạ

tổ chức các đường nhánh của các tuyến, các làn ngang qua có chiều dài 70 – 85m. Còn tại Nga, theo các tiêu chuẩn, chiều dài các làn ngang cao tốc từ 110m đến 390m tùy thuộc vào mức phân cấp của tuyến đường đó.

Như vậy, khi nghiên cứu các kinh nghiệm tích cực của các đô thị lớn trên thế giới trong việc triển khai mạng lưới đường trên cao, các nhà nghiên cứu đã chú trọng áp dụng một cách toàn diện các kế hoạch chiến lược này vào vấn đề quy hoạch giao thông tại các siêu đô thị của Nga. Để làm được điều này, cần rà soát lại các văn bản tiêu chuẩn liên quan tới công tác quy hoạch mạng lưới đường - tuyến phố trong điều kiện của một đô thị, cũng như cần xem xét lại vấn đề phân cấp mạng lưới này. Ngoài ra, để hiện thực hóa chiến lược đề ra tại các đô thị của Nga, rất cần sự hỗ trợ của Liên bang cũng như Chính phủ Nga, khi mà vốn đầu tư đòi hỏi hàng trăm tỷ rúp. Tuy nhiên, theo ý kiến của các chuyên gia, giải quyết vấn đề giao thông đã trở nên bức xúc từ lâu tại các siêu đô thị - nếu không thông qua và thực hiện những chương trình cụ thể như trên - là điều không thể.

I. Bakhirev

Nguồn: Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga số 1/2010

ND: Lê Minh

tầng đô thị trong điều kiện xã hội sung túc toàn diện, chúng tôi hy vọng bài viết này sẽ cung cấp cho người đọc những kinh nghiệm của thành phố Lan Châu trong việc giải quyết vấn đề xây dựng hạ tầng đô thị trong quá trình xây dựng xã hội sung túc toàn diện.

Để kiến nghị đối sách về hệ thống chỉ tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị thành phố Lan Châu, nghiên cứu và thực hiện mục tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị, bài viết có thể

cung cấp cơ sở quyết sách, biện pháp chế độ và đánh giá. Các chỉ tiêu nghiên cứu đều rất rõ ràng, vừa cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn, vừa triệt để nghiên cứu tình hình hiện nay và tiềm lực phát triển trong tương lai của kinh tế thành phố Lan Châu. Các biện pháp được áp dụng đồng thời, những hiệu quả có được và kiến nghị đối sách hữu quan có thể hữu ích đối với việc triển khai nghiên cứu mục tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị ở các thành phố khác.

I. Quan điểm và phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu đã điều tra, khảo sát các tài liệu về xây dựng công trình hạ tầng đô thị của các thành phố lớn và vừa trên thế giới (trong đó có cả các thành phố của Trung Quốc), kết hợp với tình hình hiện nay và vấn đề còn tồn tại trong xây dựng công trình hạ tầng đô thị của thành phố Lan Châu, triệt để quan tâm tới sự khác biệt về phát triển khu vực, phương thức sinh hoạt, truyền thống lịch sử và bối cảnh văn hóa, phân tích tổng hợp số liệu cơ sở, xây dựng 06 hệ thống công trình hạ tầng đô thị lớn như đường giao thông, cấp thoát nước, cung ứng năng lượng, bưu chính viễn thông, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ..., tổng cộng có 24 chỉ tiêu, xác định giá trị số lượng (numerical value) các chỉ tiêu thông qua mô hình hữu quan

1. Mô hình đánh giá công trình hạ tầng đô thị

Mô hình đánh giá công trình hạ tầng đô thị áp dụng nguyên lý hệ thống và phương pháp phân tích tầng, quan tâm tới điều kiện hình thành và phát triển của thành phố, tính khác biệt của hiện trạng công trình hạ tầng đô thị, thành phố Lan Châu chia mô hình tổng thể thành hai hệ thống con:

a) *Mô hình đánh giá nhu cầu hiện tại của công trình cơ bản đô thị (MD):*

Mô hình MD lại gồm bốn tầng, tầng thứ nhất là tầng mục tiêu, là những đánh giá tổng hợp nhu cầu hiện tại của công trình hạ tầng đô thị cần phải giải quyết. Tầng thứ hai là tầng chi

phối, mô hình MD nghiên cứu nhu cầu hiện tại của công trình hạ tầng đô thị từ 4 mặt: tính chất đô thị; trình độ phát triển kinh tế của đô thị; quy mô đô thị và nhu cầu xã hội; điều kiện xây dựng đô thị. Tầng thứ ba là tầng điều kiện chi phối, mô hình này liệt kê 21 điều kiện chi phối. Tầng thứ tư của mô hình là tầng đưa số liệu đô thị vào. Căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá đã quy định, tầng này đưa số liệu thực tế vào mô hình sau khi đã chỉnh lý. Mô hình MD lần lượt nhân các giá trị của số liệu được đưa vào với giá trị mục tiêu chung tương đương của các điều kiện chi phối, cộng các tích lại với nhau, ta được tiêu chuẩn đánh giá nhu cầu hiện tại về công trình hạ tầng đô thị.

b) *Mô hình đánh giá mức cung ứng công trình hạ tầng đô thị hiện nay (MS):*

Mô hình MS cũng bao gồm 4 tầng. Tầng thứ nhất là tầng mục tiêu, đánh giá tổng hợp mức cung ứng công trình hạ tầng đô thị hiện nay. Tầng thứ hai là tầng khảo sát hệ thống, đánh giá mức cung ứng công trình hạ tầng đô thị hiện nay của 8 hệ thống công trình công cộng thị chính (hệ thống cung cấp nước sạch đô thị, hệ thống thoát nước thải đô thị, hệ thống đường sá đô thị, hệ thống thông tin, hệ thống giao thông công cộng, hệ thống cung cấp năng lượng, (bao gồm cung cấp khí đốt, nhiệt, điện dân dụng đô thị), hệ thống phủ xanh đô thị, hệ thống vệ sinh môi trường). Tầng thứ ba của mô hình là tầng khảo sát chỉ tiêu, hệ thống MS liệt kê ra 26 chỉ tiêu khảo sát. Tầng thứ tư của mô hình là tầng đưa số liệu vào. Căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá đã quy định, tầng này đưa số liệu thống kê thực tế vào mô hình sau khi đã chỉnh lý. Mô thức MS lần lượt nhân các giá trị của số liệu được đưa vào với giá trị giá trị quan trọng của các chỉ tiêu tương đương của mục tiêu chung, cộng các tích lại với nhau, ta được tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp mức cung cấp công trình hạ tầng đô thị hiện tại.

Tiêu chuẩn phân loại công trình hạ tầng đô thị là được hình thành do số liệu về tình hình

nhu cầu công trình cơ bản đô thị mà kết quả tính toán của mô hình MD phản ánh và số liệu tình hình cung ứng công trình hạ tầng đô thị mà kết quả tính toán của mô hình MS phản ánh.

c) Dự báo dân số :

Lấy tổng dân số thành phố Lan Châu làm cơ sở, lần lượt áp dụng mô hình tỷ lệ tăng trưởng tổng hợp, mô hình hồi quy tuyến tính đơn giản, xác định quy mô dân số thành phố Lan Châu năm 2014 là 2,34 triệu dân.

d) Mục tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị thành phố Lan Châu

Thông qua phân tích, so sánh và nghiên cứu các đô thị trong và ngoài nước, kết hợp với tình hình cụ thể của thành phố Lan Châu, dựa vào tính toán theo mô hình đánh giá, chúng tôi đưa ra mục tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị thành phố Lan Châu (xem bảng 1)

II. Kiến nghị giải pháp

1. Xây dựng hệ thống giao thông

Áp dụng nhiều biện pháp hữu hiệu, nhanh chóng xây dựng công trình hạ tầng giao thông. Tiếp tục tăng cường đầu tư cho giao thông công cộng, nâng cao năng lực vận chuyển của hệ thống giao thông công cộng. Thực hiện chế độ làm việc linh hoạt, bố trí xen kẽ thời gian vào ca, tan tầm, phân bố đều giờ cao điểm người và xe cộ lưu thông vào các khoảng thời gian trong cả ngày, giảm bớt ùn tắc giao thông.

Áp dụng các biện pháp quản lý giao thông an toàn, bố trí khoa học và hợp lý thời gian thay đổi đèn tín hiệu, đề ra các phương án quản lý giao thông tương ứng phù hợp với tình hình giao thông khác nhau của mỗi một khu vực, quản lý giao thông một cách khoa học.

Bảng 1: Mục tiêu xây dựng công trình hạ tầng đô thị của thành phố Lan Châu

Loại hình	Số TT	Các chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2010	Mục tiêu năm 2014
Giao thông công cộng	1	Mất độ đường xá đô thị (km / km ²)	7,4	7,4
	2	Diện tích đất phủ xanh bình quân đầu người đô thị (m ² / người)	15	19
	3	Xe buýt công cộng bình quân/10.000 người (chiếc)	12,5	16
	4	Năng lực vận chuyển nước ra khu vực bên ngoài đô thị (định tính)	Tương đối mạnh	Tương đối mạnh
Cấp thoát nước	5	Năng suất của nhà máy nước sạch đô thị (10.000 m ³ / ngày đêm)	155	175,5
	6	Chiều dài đường ống cung cấp nước bình quân/10.000 người (km)	11	15
	7	Tỷ lệ phủ cấp đường ống cung cấp nước đô thị (%)	100	100
	8	Lượng nước sạch cung cấp bình quân (người. ngày)	200	220
	9	Năng suất của nhà máy xử lý nước thải (10.000 m khối / ngày đêm)	38	> 38
	10	Chiều dài đường ống thoát nước bình quân/10.000 người (km)	5	7,4
	11	Tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đô thị (%)	80	> 80
	12	Tỷ lệ xử lý nước thải công nghiệp đô thị (%)	100	100

Cung ứng năng lượng	13	Lượng điện sinh hoạt bình quân đầu người đô thị (Kwh / năm)	540	> 800
	14	Tỷ lệ phổ cập cung ứng khí đốt đô thị (%)	75	85
	15	Tỷ lệ phổ cập cung ứng nhiệt tập trung đô thị (%)	71	75
Thông tin, bưu chính	16	Số điện thoại cố định bình quân/ 100 người (chiếc)	77	77
	17	Số điện thoại di động bình quân/100 người (chiếc)	58	156
	18	Số máy tính nối mạng bình quân/100 người (chiếc)	16	18
Phủ xanh bảo vệ môi trường	19	Tỷ lệ phủ xanh khu vực nội thành đô thị (%)	40	> 40
	20	Diện tích đất phủ xanh bình quân đầu người đô thị (m ²)	12	13
	21	Số xe bảo vệ môi trường bình quân/10.000 người (chiếc)	2	> 2,5
	22	Tỷ lệ xử lý không độc hại rác thải (%)	> 70	80
Công trình phòng chống thiên tai	23	Tổng hợp các hoạt động công cộng phòng chống thiên tai ở công trình ngầm (định tính)	Có thể phòng chống được thiên tai tương đối nghiêm trọng	Có thể phòng chống được thiên tai tương đối nghiêm trọng
	24	Mật độ mạng lưới đường ống thoát nước mưa đô thị (km / km ²)	4,2	7

2. Hệ thống cấp thoát nước

Đứng trước hiện trạng công trình thoát nước và vấn đề còn tồn tại, kiến nghị xây dựng mới và cải tạo nhà máy xử lý nước thải đô thị, thực hiện cải tạo mở rộng mạng lưới đường ống cấp thoát nước đô thị, nhanh chóng thu gom toàn bộ nước thải.

3. Hệ thống cung ứng năng lượng

Nhanh chóng phát triển mạng lưới đường ống chính cung ứng khí đốt trong thành phố Lan Châu. Nhanh chóng cải tạo nhà ở của nhân dân và các “làng trong phố”, nâng cao tỷ lệ phổ cập khí đốt, hoàn thiện công tác duy tu bảo vệ mạng lưới đường ống cung ứng khí đốt, nâng cao tỷ lệ bảo đảm vận hành an toàn.

4. Hệ thống thông tin

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin, nâng cao tỷ lệ phổ cập internet, hoàn thiện chuỗi giá trị các ngành sản xuất và triệt để phát huy tác dụng mọi mắt xích trong dây chuyền các ngành sản xuất.

5. Hệ thống sinh thái đô thị

- Nâng cao tỷ lệ phủ xanh khu nội thành đô

thị, diện tích đất phủ xanh công cộng bình quân đầu người đô thị: Nhanh chóng xây dựng công viên Lương Sơn Nam Bắc, từng bước chuyển đổi từ rừng phòng hộ sang đất phủ xanh công cộng đô thị; Xây dựng và hoàn thiện tuyến du lịch phong cảnh Hoàng Hà; Xây dựng vườn thực vật Lan Châu, mở rộng diện tích đất phủ xanh công cộng; Xây dựng vành đai rừng phòng hộ; Thực hiện phủ xanh công trình xây dựng ở các cơ quan, đơn vị, đường phố, nâng cao hiệu quả phủ xanh.

- Bảo vệ hệ thống sinh thái đất ẩm: Trên cơ sở “Điều lệ bảo vệ đất ẩm tỉnh Cam Túc”, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ vùng đất ẩm, xây dựng chính sách bảo vệ và khai thác bền vững; Hoàn thiện quy hoạch bảo vệ vùng đất ẩm; củng cố về tổ chức các cấp quản lý bảo vệ vùng đất ẩm; Tăng cường các biện pháp bảo vệ vùng đất ẩm; Làm tốt công tác tuyên truyền bảo vệ vùng đất ẩm...

- Xử lý không độc hại rác thải: Xây dựng bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp tiêu chuẩn vệ sinh, từng bước xóa bỏ các bãi đổ rác tự phát, ưu

tiên giải quyết vấn đề rác thải cho khu vực nội thành; Từng bước xây dựng các nhà máy đốt rác phù hợp với tiêu chuẩn xả khí thải theo quy hoạch; áp dụng các kỹ thuật thích hợp đối với các thực phẩm thừa, biến chúng thành phân bón hoặc xử lý vi sinh.

6. Hệ thống phòng chống thiên tai

Xây dựng thể chế quản lý ứng cứu thống nhất. Tăng cường bồi dưỡng huấn luyện kỹ năng ứng cứu và quản lý dự phòng ứng cứu. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống thông tin quản lý ứng cứu khi xảy ra thiên tai. Tăng cường công tác dự báo dự giám sát. Xây dựng đội ngũ sẵn sàng ứng cứu. Tăng cường bảo đảm giao thông, thông tin và vật tư. Xây dựng hệ thống đánh giá khách quan và toàn diện thiên tai. Mở rộng phạm vi bảo hiểm thiên tai. Tăng cường hệ thống chỉ huy phòng lụt chống hạn, hệ thống thăm dò động đất, đo độ ô nhiễm không khí, hệ thống phòng chống cháy rừng, hệ thống phòng chống dịch bệnh..., dựa vào khoa học kỹ thuật hiện đại để giảm bớt thiệt hại do thiên tai gây ra. Đẩy mạnh công tác lập pháp về xử lý thiên tai. Ngoài ra,

còn cần phải tăng cường đầu tư cho xây dựng mạng lưới thoát nước mưa đô thị và công trình phòng cháy chữa cháy công cộng.

7. Đầu tư công trình hạ tầng đô thị

Thay đổi quan niệm, sáng tạo ra phương thức đầu tư mới, tích cực tạo điều kiện, thu hút tiền vốn trong và ngoài nước, hình thành cơ chế thể chế xây dựng và kinh doanh công trình hạ tầng đô thị, trong đó chính quyền là lực lượng chủ đạo, tiến hành thị trường hóa, xã hội hóa. Căn cứ vào dung lượng môi trường đô thị và quy luật nội tại của phát triển kinh tế xã hội đô thị, điều chỉnh hợp lý cơ cấu, phân bố, làm tốt công tác quy hoạch phát triển công trình hạ tầng như cấp thoát nước, cung cấp khí đốt, cung cấp phân phối điện..., nỗ lực nâng cao trình độ quy hoạch đô thị.

**Trương Lạc Quân, Trần Học Dân, Phó
Tiểu Dũng và Nam Trung Nhân**

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn" số 4/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Thành phố Bắc Kinh chỉ đạo thực hiện việc xử lý rác thải nhà bếp trong đô thị

Xử lý ổn thỏa vấn đề rác thải nhà bếp trong đô thị có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo đảm vận hành kinh doanh bình thường của thành phố, cải thiện môi trường đô thị, bảo đảm môi trường sống lành mạnh của người dân. Thành phố Bắc Kinh hết sức coi trọng vấn đề xử lý rác thải nhà bếp, Chính quyền chỉ đạo thực thi xử lý đặc biệt, đưa việc xử lý tài nguyên hóa rác thải nhà bếp trở thành biện pháp quan trọng thực hiện tận dụng tổng hợp tài nguyên và cải thiện cuộc sống người dân.

I. Tình hình cơ bản

Rác thải nhà bếp của thành phố Bắc Kinh có nguồn gốc từ 62.027 cơ sở dịch vụ ăn uống. Theo ước tính, lượng rác thải nhà bếp toàn thành phố năm 2010 là khoảng 1.900 tấn, năm

2012 và năm 2015 lượng rác thải này là 2.200 tấn và 2.650 tấn. Hiện tại, lượng dầu mỡ thải nhà bếp hàng năm của Bắc Kinh là 90 nghìn tấn, ngoài số ít lượng dầu mỡ thải sản sinh từ dầu mỡ tiêu hao sử dụng của người dân có trong hệ thống nước thải thì phần còn lại đều là lượng thải dầu mỡ của các cơ sở dịch vụ ăn uống ..., lượng dầu mỡ thải này đều cần được thu gom và xử lý theo quy định.

Hiện nay, công tác xử lý rác thải nhà bếp của thành phố Bắc Kinh đã được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, một số hiện tượng xử lý rác thải nhà bếp phi chính quy vẫn còn tồn tại và trong quá trình thu gom xử lý rác thải nhà bếp vẫn tồn tại một số khâu yếu kém: đó là, năng lực xử lý rác thải nhà bếp tồn tại thiếu sót, đặc biệt là

nguồn rác thải đưa vào xử lý chậm, thiếu các chính sách khuyến khích về kinh tế, không đáp ứng hoàn toàn yêu cầu về xử lý tài nguyên hóa rác thải nhà bếp; vấn đề giao dịch phi pháp dầu mỡ thải và nước gạo nuôi lợn khá nổi cộm gây khó khăn trong việc thu gom dầu mỡ thải và rác thải nhà bếp, các quy định pháp luật và chính sách hiện có thiếu tính cưỡng chế và tính ràng buộc, mức độ chuyên nghiệp hóa, công nghiệp hóa trong thu gom vận chuyển và xử lý dầu mỡ thải, rác thải nhà bếp thấp; việc quản lý nguồn thải từ các cơ sở sản sinh dầu mỡ thải và rác thải nhà bếp khá yếu kém, thiếu biện pháp hạn chế nguồn thải, cơ chế giám sát quản lý tổng hợp vẫn chưa hình thành.

II. Biện pháp chủ yếu

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ công tác

Thành phố đã thành lập Ban chỉ đạo xử lý rác thải nhà bếp do một Phó Thị trưởng thành phố làm Trưởng ban. Thành viên Ban chỉ đạo gồm đại diện các ban, ngành liên quan và chính quyền các quận, huyện. Văn phòng Ban chỉ đạo đặt tại Ủy ban Hành chính và Môi trường thành phố, phụ trách tổ chức điều phối công tác hàng ngày, giao mục tiêu và nhiệm vụ công tác hàng năm cho Chính quyền quận/huyện và các cơ quan liên quan, thông báo định kỳ về tỷ lệ đăng ký, tỷ lệ thu gom vận chuyển và xử lý tài nguyên hóa nguồn rác thải nhà bếp của các quận/huyện, đồng thời đưa vào đánh giá hiệu quả của Chính quyền.

2. Tăng cường quản lý nguồn thải, đưa vào phạm trù giám sát quản lý của các cơ quan liên quan

- Trước cuối năm hoàn thành công tác đăng ký xả thải nhà bếp và dầu mỡ thải, thiết lập các hồ sơ cơ sở, Ủy ban Hành chính và Môi trường thành phố sẽ công bố tình hình đăng ký xả rác thải trên trang web chuyên đề phân loại rác, đồng thời đưa các yêu cầu về quản lý nguồn rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải vào phạm trù giám sát quản lý hàng ngày của các cơ quan như

công thương, vệ sinh, môi trường ... đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống.

3. Đẩy nhanh xây dựng đội ngũ thu gom vận chuyển, tăng cường công tác quản lý

Trên cơ sở thẩm tra năng lực doanh nghiệp thu gom, vận chuyển dầu mỡ thải và rác thải nhà bếp, thành phố Bắc Kinh cho phép thành lập 2 công ty thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý dầu mỡ thải nhà bếp toàn thành phố. Các quận/huyện kết hợp tiến độ xây dựng của hệ thống xử lý rác thải nhà bếp, thông qua hình thức nhượng quyền kinh doanh (BOT) xác định đội ngũ thu gom, vận chuyển chuyên nghiệp hóa để làm công tác thu gom vận chuyển rác thải nhà bếp. Tăng cường quản lý đối với đội ngũ thu gom, vận chuyển, yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển xây dựng hồ sơ kế toán, báo cáo định kỳ cho cơ quan chủ quản về nguồn gốc, số lượng, hướng đi ... của rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải; sử dụng xe thu gom, vận chuyển đặc chủng một cách chặt chẽ, thích hợp, bảo vệ môi trường, thống nhất ký hiệu bên ngoài các xe, lắp đặt thêm hệ thống ghi chép điều khiển xe, đồng thời làm các giấy phép giao thông vận tải theo quy định.

4. Tăng đầu tư tài chính, đẩy nhanh tiến độ đầu tư trang thiết bị xử lý

Tăng cường đầu tư tài chính của Chính quyền quận và thành phố về các phương diện như xây dựng hệ thống xử lý, quản lý vận hành kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ về rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải. Hoàn thành công tác chuẩn bị giai đoạn đầu trong quy hoạch xây mới hệ thống xử lý rác thải nhà bếp, hoàn thiện trọng điểm các biện pháp bảo vệ môi trường, thực hiện bảo vệ môi trường đạt tiêu chuẩn. Cuối năm 2012, năng lực xử lý theo ngày về lượng rác thải nhà bếp mới tăng trong toàn thành phố là 1.200 tấn, đồng thời nỗ lực đẩy mạnh các đơn vị với quy mô trên 1 nghìn người và các doanh nghiệp ăn uống quy mô lớn với diện tích trên 1 nghìn m² triển khai công tác xử lý rác thải nhà bếp.

5. Tìm kiếm phương pháp mới, kỹ thuật mới, đẩy nhanh xây dựng công trình kiểu mẫu

Tích cực áp dụng kỹ thuật mới để xử lý dầu mỡ thải và rác thải nhà bếp, chiết xuất thành các sản phẩm tái tạo như dầu diesel sinh học, ethanol ..., tìm kiếm mô hình xây dựng và vận hành để phát huy tác dụng của cơ chế thị trường. Đẩy mạnh xây dựng quy trình mẫu về phân loại rác thải tại các khu dân cư, khuyến khích xử lý tài nguyên hóa rác thải nhà bếp. Xây dựng khu dân cư mẫu về phân loại rác thải, sản xuất và cung cấp miễn phí các loại túi phân loại rác thải cho nhân dân, thực hiện phân loại và xử lý tài nguyên hóa rác thải nhà bếp, xây dựng cơ chế thu phí, xây dựng công trình mẫu về thu gom phân loại, vận chuyển phân loại và xử lý phân loại.

6. Thực hiện phân công công tác, nghiêm khắc điều tra xử lý hành vi vi phạm

Các cơ quan chính quyền căn cứ vào sự phân công công tác, nghiêm túc xử lý các hành vi thu gom, vận chuyển, sử dụng và xử lý phi pháp rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải, kiên quyết loại trừ các tụ điểm sản xuất, gia công, vận chuyển và tiêu thụ dầu mỡ thải, không được sử dụng rác thải nhà bếp chưa qua xử lý vô hại hóa để chăn nuôi; kiểm tra, xử lý các cơ sở dịch vụ ăn uống xử lý rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải không theo quy định, điều tra xử lý theo pháp luật đối với các hành vi phạm pháp như xả rác thải nhà bếp không theo quy định, không xây dựng hệ thống thu gom, tích trữ, vận chuyển rác thải nhà bếp theo yêu cầu; kiên quyết phá bỏ các tụ điểm chế tạo, tiêu thụ dầu mỡ giả, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội.

7. Triển khai tuyên truyền giáo dục, phát huy tác dụng giám sát của xã hội và dư luận

Thông qua các phương tiện truyền thông, vận động phương thức sản xuất, tiêu thụ xanh; tăng cường tác dụng giám sát xã hội của các cơ quan truyền thông, xây dựng chế độ trình báo;

phát huy đầy đủ tác dụng của các hiệp hội ngành nghề, đôn đốc các đơn vị sản sinh và xử lý rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải tự giác tiếp nhận sự giám sát của quần chúng và các phương tiện truyền thông.

III. Thực hiện các công tác

Hiện tại, Ủy ban Hành chính và Môi trường Chính quyền thành phố Bắc Kinh đang gấp rút khai thác xây dựng hệ thống quản lý thông tin đăng ký xả thải, trong tháng 10/2012 khởi động công tác đăng ký xả thải, cùng với các cơ quan như công thương, bảo vệ môi trường ... xem xét tổng hợp tình hình của các doanh nghiệp thu gom, vận chuyển, xử lý và tận dụng rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải; cùng với cơ quan tài chính nghiên cứu đưa ra các chính sách hỗ trợ đầu xây dựng, trang bị thiết bị xử lý và chi phí vận hành đối với rác thải nhà bếp; cùng với cơ quan công thương nghiên cứu đưa ra bản mẫu "Hợp đồng dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải nhà bếp và dầu mỡ thải thành phố Bắc Kinh"; cùng với cơ quan an toàn thực phẩm nghiên cứu đưa ra "Các ý kiến về thúc đẩy toàn diện công tác quản lý tổng hợp dầu mỡ thải nhà bếp và tận dụng tài nguyên hóa của thành phố". Các cơ quan liên quan của thành phố triển khai những biện pháp quản lý nghiêm ngặt đối với những hành vi chiết xuất, gia công, sử dụng dầu mỡ bẩn; đưa ra "Những ý kiến về làm tốt hơn nữa cơ chế hợp tác nội bộ chống lại những hành vi phạm pháp về an toàn thực phẩm", "Biện pháp khen thưởng trình báo các vụ phạm pháp về an toàn thực phẩm thành phố Bắc Kinh"

Các quận/huyện đang gấp rút đưa ra các phương án thực thi, triển khai các công tác thí điểm. Khu vực phía Đông thành phố đã triển khai thu gom thống nhất chuyên nghiệp hóa rác thải nhà bếp của các cơ sở dịch vụ ăn uống quy mô lớn và các khu vực tập trung ăn uống khác, lượng thu gom mỗi ngày đạt tới 35 tấn, cuối năm 2012, toàn khu vực cơ bản thực hiện chuyên nghiệp hóa thu gom. Khu vực phía Tây thành phố cũng đã triển khai thí điểm thu gom,

vận chuyển chuyên nghiệp rác thải nhà bếp đối với 41 doanh nghiệp kinh doanh ăn uống trực thuộc Công ty Ẩm thực Hoa Thiên và 20 cơ sở ăn uống trên phố Kim Dung. Khu vực Triều Dương xác lập khu thí điểm tận dụng tài nguyên hóa và xử lý vô hại hóa rác thải nhà bếp, thành lập đội thu gom, vận chuyển chuyên nghiệp hóa với 80 người và 38 xe thu gom, khởi động ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom vận chuyển đọt một giữa đơn vị dịch vụ ăn uống và đơn vị

thu gom vận, chuyển chuyên nghiệp hóa tại 12 tuyến phố, tỷ lệ thu gom tập trung trong năm 2012 đạt đến trên 50%.

Ủy ban Hành chính và Môi trường Chính quyền thành phố Bắc Kinh

Nguồn: TC Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc, số 5/2012

ND: Kim Nhạn

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng chủ trì Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở

Sáng ngày 19/7/2012 tại thành phố Bắc Ninh, Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản phối hợp với Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức Hội nghị toàn quốc tổng kết Chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 167). Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; đồng chí Trần Văn Túy - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh; các đồng chí là lãnh đạo Văn phòng Chính phủ, các Ủy ban của Quốc hội, các Bộ ngành Trung ương và lãnh đạo 59 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại diện các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Chương trình 167.

Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình 167 giai đoạn I, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, sau hơn 3 năm (2008-2011) triển khai thực hiện một cách quyết liệt, đến nay Chương trình 167 giai đoạn I đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu đề ra. Trên cả nước có 9 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã hoàn thành Chương trình 167 trên địa bàn trước 2 năm, hầu hết các tỉnh, thành khác hoàn thành Chương trình sớm trước 1 năm. Cụ thể, các địa phương đã hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 507.143 hộ, đạt tỷ lệ 102,2% so với số hộ được phê duyệt ban đầu, đạt 94% so với số hộ thực tế phải hỗ trợ sau khi rà soát, bổ sung. Trong số hộ được hỗ trợ, có 224.000 hộ là đồng bào dân tộc thiểu số. Tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành liên quan và các địa phương,



Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

Chương trình đã huy động được 12.653 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách Trung ương là 4.254 tỷ đồng (33,6%), vốn ngân sách địa phương 723 tỷ đồng (5,7%), vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội 3.584 tỷ đồng (28,3%), vốn huy động khác là 4.092 tỷ đồng (32,4%). Tổng số vốn giải ngân trong giai đoạn 2008 - 2011 là 11.945 tỷ đồng (94,4%), số vốn còn lại sẽ được giải ngân tiếp trong năm 2012.

Về chất lượng nhà ở, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, hầu hết các căn nhà được xây dựng theo Chương trình 167 đều vượt diện tích và chất lượng quy định. Các căn nhà được xây dựng bằng vật liệu chất lượng tốt: khung bê tông cốt thép hoặc khung gỗ, tường nhà xây gạch, mái lợp ngói, fibro xi măng hoặc tôn, nền nhà lát gạch hoặc láng vữa xi măng. Tất cả các căn nhà có kết cấu bao che kín đáo, chắc chắn, đầy đủ cửa đi, cửa sổ, kiểu dáng kiến trúc phù hợp với phong tục tập quán của địa phương, giá thành các căn nhà từ 25-28 triệu đồng, nhiều căn có giá thành đến 50-60 triệu đồng.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chương trình 167 là một Chương trình hỗ trợ nhà ở lớn nhất, hiệu quả nhất kể từ khi đất nước ta thực hiện đường lối đổi mới. Chương trình 167 đã thể

hiện sự quan tâm chính trị của Đảng, Nhà nước, chúng tôi tin rằng ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nếu tính bình quân mỗi hộ được hỗ trợ nhà ở có 04 người, thì Chương trình đã giúp cho trên 2 triệu người có nhà ở an toàn, ổn định. Nhờ có nhà ở, đời sống vật chất và tinh thần của các hộ nghèo đã được cải thiện, nhiều hộ đã thoát nghèo. Thông qua Chương trình 167, đã khơi dậy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đó là tinh thần tương thân, tương ái, đùm bọc người nghèo, biết ơn người có công, xây dựng tình cảm gắn bó, đoàn kết anh em, dòng họ, tình nghĩa xóm làng, tăng cường tình đoàn kết quân - dân, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh, xã hội của Chính phủ.

Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ngân hàng Chính sách Xã hội và các địa phương có thành tích tiêu biểu trong việc thực hiện Chương trình 167 đã trình bày các tham luận nhằm làm sáng tỏ những thành tựu cũng như những hạn chế, những tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình. Trong các tham luận đều đánh giá, Chương trình 167 là có ý nghĩa nhân văn và hiệu quả xã hội to lớn, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Việc triển khai thực hiện Chương trình đã huy động được cả Hệ thống Chính trị, các cấp, các ngành, với sự chỉ đạo, theo dõi sát sao của Bộ Xây dựng, sự nỗ lực của các địa phương, Chương trình 167 đã được thực hiện thành công, được dư luận xã hội đánh giá cao.

Từ những kết quả thành công và kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình 167 giai đoạn I, các Bộ, ngành và các địa phương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định triển khai Chương trình 167 giai đoạn II để hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo nông thôn theo chuẩn nghèo mới.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đánh giá cao vai trò điều phối của Bộ Xây dựng, sự nỗ lực của các bộ



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

ngành có liên quan và các địa phương đã mang lại sự thành công cho Chương trình 167, được nhân dân nhiệt tình ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, góp phần thực hiện tốt chủ trương của Chính phủ về đảm bảo an sinh, xã hội.

Thủ tướng Chính phủ cũng cho biết, trong hơn 10 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự nỗ lực của cả hệ thống Chính trị, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, đất nước ta đã giành được nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực, tuy rằng còn tồn tại rất nhiều hạn chế, yếu kém, thậm chí khuyết điểm nhưng thành công đạt được là to lớn, toàn diện. Trong những thành công đó, thì Chương trình chăm lo hỗ trợ nhà ở cho nhân dân đã giành được những kết quả rất lớn, là một điểm sáng trong việc thực hiện chương trình xây dựng đất nước, trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm qua. Mặc dù trong những năm gần đây đất nước ta gặp nhiều khó khăn, khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế nước ta: lạm phát tăng cao, giá cả tăng cao, kinh tế tăng trưởng giảm so với trước... trong điều kiện đó, các mục tiêu xã hội vẫn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, các Chương trình, các khoản chi cho các mục tiêu xã hội được Đảng và Nhà nước đều bảo đảm mặc dù hết sức khó khăn.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh,

nhà ở là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Trong những năm qua, việc hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội được triển khai quyết liệt, hiệu quả. Riêng chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167 sau hơn 3 năm triển khai thực hiện đã hoàn thành trước thời hạn mục tiêu đề ra ban đầu là hỗ trợ cho khoảng 500.000 hộ gia đình nghèo tại khu vực nông thôn cải thiện nhà ở. Chương trình được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự hỗ trợ của cộng đồng, nỗ lực của người dân, là chương trình hợp lòng dân. Bên cạnh chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn theo Quyết định số 167, thời gian qua Chính phủ đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ nhà ở khác như: Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với Cách mạng, chương trình hỗ trợ đất ở, nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số, chương trình tôn nền vượt lũ và nhà ở đồng bằng sông Cửu Long... Các chương trình hỗ trợ nhà ở vừa qua đã giúp hàng triệu lượt hộ gia đình nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nêu rõ, một số địa phương còn chưa hoàn thành kế hoạch của giai đoạn I của Chương trình 167, do đó, cấp ủy, chính quyền các địa phương cần tập trung chỉ đạo, có biện pháp, chương trình cụ thể để sớm hoàn thành trong năm 2012.

Đồng ý với chủ trương cần tiếp tục triển khai giai đoạn II Chương trình 167, Thủ tướng yêu cầu Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản tiếp thu các ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, các địa phương, tiếp tục hoàn thiện các nội dung liên quan đến mục tiêu, đối tượng hỗ trợ... của Chương trình trong giai đoạn II, tập trung vào khâu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách và khâu tổ chức thực hiện; bảo đảm cơ chế, chính sách, biện pháp phải phù hợp với thực tế, có tính khả thi.

Với mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát



Toàn cảnh Hội nghị



Tôn vinh các tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu trong việc thực hiện Chương trình 167

triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là phấn đấu để mọi người dân có nhà ở an toàn, phù hợp với khả năng của mình, chất lượng nhà ở ngày một tốt hơn, Thủ tướng nhấn mạnh, trước mắt, trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, các Bộ, ngành, chức năng cần phải xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp cho từng nhóm đối tượng cần có sự hỗ trợ của Nhà nước đã nêu trong Chiến lược phát triển nhà ở như: người có công, người nghèo, người thu nhập thấp,...

Bên cạnh đó, Thủ tướng cũng lưu ý các Bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục quan tâm xây dựng cơ chế, chính sách, triển khai hiệu quả các dự án xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, nhà cho học sinh, sinh viên, nhà cho công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Minh Tuấn

Bộ Xây dựng và thành phố Hà Nội phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở

Sáng ngày 24/7/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội đã tổ chức Lễ Ký kết Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tham dự Lễ Ký kết, về phía Bộ Xây dựng có đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam và lãnh đạo các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị (HUD), Tổng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (Vinaconex); Về phía UBND thành phố Hà Nội có đồng chí Nguyễn Thế Thảo - Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch UBND thành phố, Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khôi và lãnh đạo các sở, ngành của Hà Nội.

Phát biểu tại Lễ Ký kết, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 30/11/2011 là chiến lược đầu tiên về nhà ở của nước ta có tầm nhìn dài hạn, với quan điểm chủ đạo hết sức quan trọng là phát triển nhà ở là trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội và của người dân. Chiến lược đã đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ, toàn diện và khoa học, chú trọng phát triển nhà ở xã hội để đáp ứng nhu cầu của người nghèo, người có thu nhập thấp, yêu cầu xây dựng nhà ở xã hội là nhiệm vụ chính trị của các cấp chính quyền địa phương.

Để thực hiện triển khai có hiệu quả Chiến lược nhà ở quốc gia, Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội tổ chức ký kết Chương trình phối hợp hành động, thể hiện quyết tâm chính trị của Bộ Xây dựng và thành phố Hà Nội - địa phương tiên phong về phát triển nhà ở xã hội.



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ tin tưởng, Chương trình phối hợp hành động triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở giữa Bộ Xây dựng và Thành phố Hà Nội sẽ là một hình mẫu để Bộ Xây dựng triển khai tại các địa phương khác. Kết quả của Chương trình sẽ góp phần đẩy mạnh công tác phát triển nhà ở, giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân Thủ đô.

Theo Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo, nhà ở là nhu cầu thiết yếu của con người, không chỉ có ý nghĩa dân sinh, xã hội mà còn có ý nghĩa về chính trị, kinh tế, văn hóa đối với mỗi quốc gia, mỗi đô thị. Giải quyết tốt vấn đề nhà ở sẽ tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, góp phần ổn định chính trị. Đối với Thủ đô Hà Nội - một trong những thành phố đang trong quá trình xây dựng phát triển theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thì càng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự phối kết hợp của Bộ Xây dựng, thành phố Hà Nội đã khắc phục khó khăn, từng bước thực hiện tốt công tác xây dựng nhà ở, nâng cấp đô thị, cải thiện đời sống của nhân dân. Trong quá trình triển khai Chương trình phát triển nhà ở, thành phố Hà Nội đã thường xuyên nhận được sự chỉ đạo của Trung ương, chỉ đạo chuyên môn của Bộ Xây



Đ/c Nguyễn Thế Thảo - Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội phát biểu tại buổi Lễ

dụng thực hiện mô hình thí điểm cơ chế chính sách phát triển nhà ở, qua đó công tác xây dựng, phát triển nhà ở của thành phố đã có những chuyển biến tích cực, cả về quy mô, tốc độ, chất lượng, số lượng. Từ năm 2000 đến năm 2010, thành phố đã xây dựng được hơn 16 triệu m² nhà ở, nâng diện tích nhà ở bình quân đầu người lên 20,6m².

Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo cũng nhận định, sự cố gắng đó, dù to lớn đến đâu, cũng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Việc xây dựng, quản lý đô thị nói chung và nhà ở đô thị nói riêng còn rất nhiều vấn đề cần được giải quyết. Công tác quy hoạch, kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn về nhà ở chậm được đổi mới, chất lượng còn hạn chế, nguồn lực nhất là nguồn vốn, đất đai khan hiếm, cơ chế chính sách chưa đủ sức thu hút, huy động nguồn lực, thị trường, sức mua của các đối tượng xã hội còn gặp khó khăn...đó chính là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn và hạn chế trong quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược lâu dài của thành phố. Với ý nghĩa đó, thành phố Hà Nội và Bộ Xây dựng đã thống nhất tổ chức ký kết Chương trình phối hợp với những nội dung nhằm khắc phục những bất cập hiện nay, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới công tác quy hoạch, thiết kế kiến trúc, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn để nhà ở phù hợp với từng đối tượng xã hội, đảm bảo chất lượng, giá thành; hoạch định các chỉ tiêu, mục tiêu kế



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Nguyễn Thế Thảo ký kết Chương trình phối hợp hành động

hoạch cho từng thời kỳ; xây dựng các cơ chế chính sách để huy động các nguồn lực; xây dựng phương thức và mô hình đầu tư chặt chẽ; tham mưu cho Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng, hỗ trợ khách hàng, nhất là các đối tượng chính sách. Tất cả những nội dung đó đều nhằm thực hiện tốt các mục tiêu của Chiến lược nhà ở của quốc gia và của thành phố Hà Nội.

Theo Biên bản ký kết giữa Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội, hai bên sẽ thành lập một tổ công tác thực hiện các nội dung: Phối hợp nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách nhà ở; Phối hợp nghiên cứu xây dựng Chương trình phát triển nhà ở; Phối hợp khai thác và huy động các nguồn lực tài chính cho phát triển nhà ở; Phối hợp đẩy nhanh việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch; Phối hợp chỉ đạo các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đăng ký tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở cho công nhân và sinh viên trên địa bàn thành phố; Phối hợp nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong phát triển nhà ở, hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức, bộ máy về phát triển nhà ở các cấp của thành phố; Phối hợp trong công tác thông tin, tuyên truyền các cơ chế chính sách phát triển nhà ở, vận động nhân dân tham gia phát triển nhà ở.

Minh Tuấn

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát lệnh động thổ dự án đầu tư xây dựng 1.500 căn hộ cho người thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá

Sáng ngày 29/7/2012 tại Khu đô thị Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội, Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng (Viglacera) đã tổ chức Lễ khánh thành khu nhà ở cho người thu nhập thấp Đặng Xá I, khánh thành trường mầm non A và động thổ dự án xây dựng 1500 căn hộ cho người thu nhập thấp Đặng Xá II. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã đến dự và phát lệnh động thổ Dự án.

Tham dự buổi Lễ còn có các đồng chí Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Nguyễn Trần Nam, Trần Văn Sơn; Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Khôi; Tổng Giám đốc Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Việt Nam (HUD) Nghiêm Văn Bang; lãnh đạo TCty Viglacera; lãnh đạo các sở, ngành của Hà Nội, huyện Gia Lâm, các đơn vị trực thuộc TCty Viglacera.

Phát biểu tại buổi Lễ, ông Nguyễn Anh Tuấn - Tổng Giám đốc TCty Viglacera cho biết, thực hiện Chương trình phối hợp hành động giữa Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nhà ở, TCty Viglacera tổ chức đồng thời 3 sự kiện: khánh thành trường mầm non, khánh thành giai đoạn I - 1.000 căn hộ cho người thu nhập thấp và động thổ 1500 căn hộ thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá giai đoạn II - Đây là hành động cụ thể, thể hiện Viglacera với vai trò là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất VLXD và là nhà đầu tư bất động sản có trách nhiệm, đi tiên phong trong việc đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp, kể cả trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay.

Theo ông Nguyễn Anh Tuấn, giai đoạn II của Dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp sẽ được triển khai trong năm 2012 - 2013 với 1.500 căn hộ có diện tích từ 30 - 50m² và giá bán căn hộ thấp nhất là 300 triệu đồng. Các



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát lệnh động thổ Dự án xây dựng 1500 căn hộ cho người thu nhập thấp

hộ dân sống trong các căn hộ giành cho người thu nhập thấp sẽ được hưởng những tiện ích chung của khu đô thị với hạ tầng đồng bộ, như trường mầm non, nhà trẻ, khu thể thao, khu dịch vụ, cây xanh cảnh quan, bãi đỗ xe...

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng được chứng kiến sự kiện khánh thành trường mầm non rất khang trang và hoàn thành 1.000 căn hộ cho người thu nhập thấp, và động thổ xây dựng 1.500 căn hộ cho người thu nhập thấp giai đoạn II tại Khu đô thị Đặng Xá do TCty Viglacera làm chủ đầu tư.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng khẳng định, nhà ở là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến vấn đề nhà ở cho người dân, đặc biệt là xây dựng nhiều cơ chế chính sách để phát triển nhà ở, trong đó có các chính sách phát triển nhà ở cho người nghèo, nhà ở cho các đối tượng chính sách. Cuối năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Sau khi Chiến lược được ban hành, đã thu hút được sự ủng hộ và vào cuộc của các ngành các cấp, các địa phương, các doanh nghiệp và các tầng



Cắt băng khánh thành trường mầm non A -
Khu Đô thị Đặng Xá

lớp nhân dân.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao mô hình phát triển đô thị tại Khu đô thị Đặng Xá của TCty Viglacera, là một khu đô thị mẫu, bao gồm cả nhà ở thị trường và nhà ở cho người thu nhập thấp, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, có cảnh quan, môi trường đẹp, mang lại không gian sống tiện nghi cho người dân.

Nhân dịp động thổ Dự án xây dựng 1.500 căn hộ cho người thu nhập thấp tại Khu đô thị Đặng Xá, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng kêu



Khu nhà ở cho người thu nhập thấp
tại KĐT Đặng Xá vừa được hoàn thành

gọi các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước tích cực tham gia phát triển nhà ở xã hội, sử dụng tối đa 20% diện tích đất trong các dự án phát triển đô thị để xây dựng nhà ở xã hội, góp phần cùng với Bộ Xây dựng và các địa phương thực hiện thành công Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia.

Minh Tuấn

Thực trạng phát triển đô thị Việt Nam và các giải pháp quản lý đầu tư phát triển đô thị

Trong những năm gần đây, dưới sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, công tác phát triển đô thị của nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hệ thống đô thị Việt Nam đã và đang từng bước phát triển theo hướng bền vững, mở rộng về quy mô, xây dựng hạ tầng kỹ thuật - xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại, diện mạo đô thị đã có nhiều thay đổi, chất lượng đô thị ngày càng được nâng cao. Các đô thị tiếp tục khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế, là hạt nhân thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở mỗi địa phương, mỗi vùng và cả nước. Tăng trưởng kinh tế ở khu vực đô thị trung bình đạt từ 12-15%, cao gấp 1,5 đến 2 lần so với mặt bằng chung của cả nước. Mô hình đầu tư phát triển các khu đô thị mới, đồng bộ về hạ

tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các công trình kiến trúc hiện đại, không gian sống tiện nghi, thân thiện với môi trường ngày càng phổ biến trên phạm vi cả nước.

Mô hình phát triển đô thị theo hình thức khu đô thị mới là một hướng đi mới ở nước ta trong hơn 10 năm gần đây. Thực tế cho thấy, đây là một hướng đi đúng đã đem lại những thành tựu to lớn, góp phần làm thay đổi diện mạo đô thị theo hướng hiện đại và nâng cao chất lượng sống cho dân cư đô thị.

Nhằm điều tiết các mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia vào quá trình quản lý và thực hiện dự án khu đô thị mới, ngày 05/01/2006, sau 9 năm thực hiện các dự án thí điểm, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2006/NĐ-CP

về Quy chế Khu đô thị mới, chính thức pháp quy hóa việc phát triển đô thị theo các dự án khu đô thị mới. Nghị định số 02/2006/NĐ-CP cùng nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác ra đời tiếp theo như Luật Quy hoạch, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản... đã góp phần thúc đẩy, hướng dẫn các nhà đầu tư thực hiện các dự án phát triển đô thị, thu hút các nguồn vốn đầu tư cho công tác phát triển nhà ở cũng như xây dựng hạ tầng đô thị.

Tuy nhiên, đánh giá chung, công tác phát triển đô thị còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập ở không ít đô thị. Chất lượng quy hoạch còn thấp, công tác lập quy hoạch còn chậm, thiếu nhiều quy hoạch, đặc biệt là các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, việc điều chỉnh quy hoạch còn tùy tiện. Công tác lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, triển khai thiết kế đô thị chưa được quan tâm và còn lúng túng trong thực hiện. Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch đô thị còn yếu, kết nối hạ tầng giữa các dự án đô thị mới còn thiếu. Công tác quản lý nhà nước về phát triển đô thị còn thiếu thống nhất, năng lực triển khai đầu tư xây dựng đô thị còn nhiều hạn chế. Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị tại các địa phương còn chậm và thiếu đồng bộ, môi trường đô thị còn ô nhiễm. Việc phát triển nhà ở chưa quan tâm đúng mức đến nhu cầu nhà ở xã hội, nhà ở dành cho người có thu nhập thấp. Nhiều dự án đô thị phát triển mang tính tự phát, phong trào, thiếu quy hoạch và kế hoạch ảnh hưởng tới diện mạo đô thị và sự phát triển lành mạnh của thị trường bất động sản. Tình trạng lãng phí đất đai trong các đô thị chưa được khắc phục, hiệu quả đầu tư xây dựng còn thấp, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các đô thị.

Đánh giá quá trình thực hiện hệ thống văn bản pháp luật cũng cho thấy rõ các tồn tại, hạn chế của Nghị định số 02/2006/NĐ-CP và một số văn bản quy phạm pháp luật khác trong lĩnh vực đầu tư phát triển đô thị, cần phải có sự điều chỉnh kịp thời và đồng bộ, cụ thể như sau:

1. Về công tác lập quy hoạch để thực hiện dự án:

Việc thực hiện các dự án chủ yếu dựa trên quy hoạch chi tiết 1/500 thiếu các đồ án quy hoạch phân khu. Do đó, dự án không có tính kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh; việc bố trí các công trình hạ tầng xã hội không được tính toán và cân đối hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển chung của khu vực và toàn đô thị.

Trong quá trình triển khai đầu tư, nhiều dự án lại điều chỉnh quy hoạch như giảm chỉ tiêu về diện tích đường, đất cây xanh công viên, trường học, nhà trẻ, công trình phúc lợi công cộng, dẫn đến điều kiện sống của dân cư tại các khu đô thị mới bị ảnh hưởng, không đảm bảo các điều kiện như mục tiêu quy hoạch ban đầu.

2. Về công tác xây dựng kế hoạch phát triển đô thị và chế tài kiểm soát phát triển:

Theo quy định, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo lập và thực hiện kế hoạch phát triển dự án khu đô thị mới. Tuy nhiên, việc lập kế hoạch này chỉ phục vụ việc triển khai từng dự án đơn lẻ, không có sự kiểm soát, điều phối tổng thể toàn khu vực hoặc toàn đô thị. Việc xác định địa điểm cho các dự án đầu tư tại địa phương luôn bị động, phụ thuộc vào đề xuất của nhà đầu tư, không thể hiện được vai trò của chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước trong việc định hướng và xác định các khu vực trọng điểm trong đô thị cần thu hút đầu tư để phát triển.

3. Về trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện dự án của các cơ quan quản lý nhà nước:

Theo các quy định hiện hành: các dự án sau khi được cấp phép và phê duyệt sẽ được chủ đầu tư triển khai thực hiện. Việc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước chỉ được thực hiện khi đã có sự cố xảy ra. Khi có nhiều dự án cùng tập trung trong một khu vực, không có một cơ quan nào chịu trách nhiệm kết nối, điều phối, xử lý vướng mắc để đảm bảo các dự án được thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

4. Về việc đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Trung ương và chính quyền địa phương trong công tác quản lý phát triển đô thị:

Việc phân cấp rộng rãi cho các cấp chính quyền cơ sở theo các quy định tại Quy chế Khu đô thị mới đã tạo sự chủ động cho các địa phương trong việc thu hút đầu tư và cho phép thực hiện các dự án. Để phục vụ mục tiêu tăng trưởng của địa phương, các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới và dự án phát triển nhà ở đã được thực hiện một cách tự phát, theo phong trào, không phù hợp với quy hoạch đô thị, không căn cứ vào kế hoạch, điều kiện kinh tế và nhu cầu thực tế của địa phương, dẫn đến lãng phí các nguồn lực của xã hội, đặc biệt là vốn đầu tư và đất đai, tác động xấu đến thị trường bất động sản và ảnh hưởng đến phát triển bền vững của các đô thị.

5. Về các quy định liên quan đến điều kiện năng lực và nghĩa vụ của chủ đầu tư trong việc thực hiện dự án:

Thiếu các quy định chặt chẽ về điều kiện năng lực cũng như nghĩa vụ của chủ đầu tư nên tại nhiều địa phương, nhiều khu đô thị trong quá trình đầu tư xây dựng đã để xảy ra những sai phạm làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình, quyền lợi của người dân cũng như môi trường đô thị nói chung. Cần có những quy định chặt chẽ và thống nhất về điều kiện lựa chọn chủ đầu tư cũng như nghĩa vụ để loại bỏ và giảm thiểu những chủ đầu tư không đủ năng lực, giám sát việc chủ đầu tư thực hiện các mục tiêu của dự án.

6. Về các quy định nhằm cụ thể hóa chính sách của Nhà nước về xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp và các đối tượng chính sách:

Mặc dù có các quy định về việc dành tỷ lệ diện tích đất để xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp và đối tượng chính sách, như do thiếu cơ chế kiểm soát cũng như chế tài xử lý cụ thể, quy đất xây dựng nhà ở trong các dự án

khu đô thị mới chủ yếu được dành để đầu tư phát triển nhà ở thương mại. Các chủ đầu tư dự án chủ yếu tập trung đầu tư xây dựng nhà ở thương mại với quy mô căn hộ có diện tích lớn để bán cho các đối tượng có thu nhập cao, trong khi đại bộ phận người dân lao động với mức thu nhập trung bình và thu nhập thấp vẫn thiếu nhà để ở.

Qua kiểm tra, rà soát đánh giá công tác phát triển đô thị trên toàn quốc, thực trạng hoạt động thị trường bất động sản và tổng kết đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý đầu tư phát triển đô thị trong đó có Nghị định số 02/2006/NĐ-CP, Bộ Xây dựng nhận thấy, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống các văn bản pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư, lập lại trật tự phát triển đô thị, góp phần ổn định hoạt động của thị trường bất động sản, cần thiết phải ban hành một Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị. Nghị định mới này không chỉ thay thế Nghị định số 02/2006/NĐ-CP mà sẽ bổ sung, điều chỉnh một số nội dung có liên quan đến công tác đầu tư phát triển đô thị trong một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác nhằm thiết lập một quy trình thống nhất cho công tác quản lý đầu tư xây dựng tại các đô thị.

Nghị định về quản lý đầu tư phát triển đô thị sau khi được ban hành sẽ đáp ứng các mục tiêu cơ bản sau:

- Hình thành một khung pháp lý thống nhất và đầy đủ hơn cho công tác đầu tư xây dựng và phát triển đô thị.

- Đảm bảo hiệu quả đầu tư, điều kiện sống và làm việc tốt cho người dân trong các khu vực phát triển đô thị, cảnh quan, môi trường đô thị.

Một số nội dung cơ bản của Nghị định quản lý đầu tư phát triển đô thị sẽ điều chỉnh những điểm còn tồn tại của hệ thống văn bản pháp luật về quản lý đầu tư hiện hành như sau:

1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc đầu tư phát triển đô thị bao gồm: quy hoạch đô thị; hình thành,

công bố kế hoạch triển khai các khu vực phát triển đô thị; thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị và vận hành, khai thác, chuyển giao sau khi các dự án hoàn thành.

2. Bổ sung quy định về việc các địa phương phải xác định các khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị.

3. Quy định rõ các nguồn lực cần thiết để phục vụ lĩnh vực phát triển đô thị (bố trí quỹ đất; nguồn vốn; thành lập Ban quản lý khu vực phát triển đô thị...). Trong đó, Ban quản lý khu vực phát triển đô thị do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập để thực hiện vai trò điều phối, kiểm soát, kết nối quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị trên từng địa bàn.

4. Quy định rõ các loại danh mục dự án đầu tư phát triển đô thị theo tính chất đặc thù (bao gồm: dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng công trình, dự án tái thiết khu đô thị, dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị...) và các quy định quản lý đối với từng loại hình.

5. Quy định cụ thể thủ tục, trình tự triển khai thực hiện dự án đầu tư phát triển đô thị (xác định và xây dựng kế hoạch triển khai các khu vực phát triển đô thị, quy hoạch chi tiết của dự án; lựa chọn chủ đầu tư; giao chủ đầu tư thực hiện dự án, quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án; cấp giấy phép xây dựng; quản lý chất lượng công trình; nghiệm thu, bàn giao sau khi hoàn thành...)

6. Quy định cụ thể về các loại hình nhà ở xã hội và nhà ở tái định cư, nguồn vốn thực hiện và yêu cầu về thiết kế đối với các loại hình nhà ở này. Đặc biệt Dự thảo đã bổ sung các quy định về loại hình nhà ở để cho thuê do các hộ gia đình và cá nhân đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tế phát triển tại các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

7. Quy định rõ nguyên tắc thực hiện, thủ tục và giải pháp xử lý chuyển tiếp đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị đang được triển khai thực hiện.

Quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan đối với lĩnh vực quản lý, phát triển đô thị theo hướng nâng cao vai trò của các cơ quan Trung ương trong việc tham gia thẩm định, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đô thị trên địa bàn cả nước.

Nghị định này sau khi được Chính phủ ban hành sẽ cùng với những văn bản quy phạm pháp luật khác là công cụ hiệu quả để khắc phục những bất cập hiện nay đang tồn tại trong công tác phát triển đô thị, nâng cao vai trò động lực phát triển của các đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước.

Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng

(Tham luận tại Hội nghị giao ban nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2012 của ngành Xây dựng, ngày 6/7/2012 tại Hà Nội)

Khai mạc Hội thi tay nghề quốc gia năm 2012

Chiều ngày 17/7/2012, tại Trường Cao đẳng xây dựng công trình đô thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội, Ban Tổ chức thi tay nghề quốc gia và Hội đồng thi quốc gia số 3 - Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ Khai mạc Hội thi tay nghề quốc gia với sự tham dự các thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, các Thầy cô giáo và 150 thí sinh của 55 đoàn đến từ các Bộ, ngành và các địa

phương trên cả nước.

Dự Lễ Khai mạc Hội thi tay nghề quốc gia tại Hội đồng thi số 3 có Bà Nguyễn Thị Hằng - nguyên Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội Dạy nghề Việt Nam; ông Dương Đức Lâm - Phó Tổng Cục trưởng Tổng Cục Dạy nghề - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Trưởng ban Tổ chức Hội thi;

ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam; Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng thi số 3; lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng và Tổng cục Dạy nghề. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng vì lý do bận công tác không đến dự được đã gửi Lẵng hoa chúc mừng Hội thi.

Phát biểu khai mạc, Bà Nguyễn Thị Nga cho biết, thi tay nghề quốc gia nhiều năm qua đã trở thành hoạt động chuyên môn có yêu cầu cao, mang tính chất sáng tạo, có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao chất lượng dạy và học nghề, góp phần thiết thực cho Chương trình nâng cao chất lượng, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật có tay nghề cao tại các cơ sở đào tạo và dạy nghề. Đây cũng là môi trường đầy ý nghĩa cho các thí sinh và các thầy cô được giao lưu, học hỏi, qua đó để đẩy lên phong trào thi đua dạy tốt, học tốt và rèn luyện kỹ năng tốt.

Tại Hội đồng thi số 3 tổ chức thi 5 nghề gồm: nghề hàn, lắp đặt điện, lắp đặt đường ống, xây gạch, ốp lát sàn và tường với sự tham gia của 150 thí sinh từ 55 đoàn trên tổng số 60 đoàn đến từ các Bộ, ngành và địa phương, các Tập đoàn kinh tế. Đơn vị đăng cai tổ chức là Trường Cao đẳng xây dựng công trình đô thị - Bộ Xây dựng đã chuẩn bị những điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất cho Hội thi và các đoàn về dự thi.

Tại Lễ Khai mạc Hội thi tay nghề quốc gia năm 2012 ở Hội đồng thi số 3, ông Dương Đức Lân - Trưởng ban tổ chức Thi tay nghề quốc gia cho biết, Hội thi tay nghề quốc gia năm 2012 được tổ chức tại 5 địa điểm với 5 Hội đồng thi,



Bà Nguyễn Thị Hằng - Chủ tịch Hội Dạy nghề Việt Nam - nguyên Bộ trưởng Bộ LĐ-TB-XH phát biểu tại buổi Lễ



Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch Hội đồng thi số 3 - Hội thi tay nghề quốc gia 2012 phát biểu khai mạc diễn ra trong 3 ngày từ 17 - 19/7. Cả nước có 454 thí sinh thuộc 60 đoàn tham dự. Thông qua Hội thi này sẽ chọn ra những thí sinh có tay nghề giỏi để bồi dưỡng, huấn luyện chuẩn bị cho Hội thi tay nghề ASEAN lần thứ 9 tại Indonesia vào cuối năm 2012 và Hội thi tay nghề quốc tế lần thứ 42 tại CHLB Đức vào năm 2013./.

Minh Tuấn

Vẻ đẹp của kiến trúc Paris

Khi đến nước Pháp, đặc biệt là khi bạn đặt chân đến thủ đô Paris, bạn sẽ cảm nhận được hơi thở văn hóa nồng nàn khiến bạn luôn cảm thấy thoải mái về tinh thần, hơi thở đó khiến bạn không muốn rời xa, khiến bạn lưu luyến bịn rịn, khiến bạn đã đi rồi lại muốn quay trở lại - đó là

cảm nhận của những người đã từng đến Paris. Tại Paris, bạn có thể cảm nhận rất rõ không gian lịch sử và văn hóa đậm nét, dạo bước bên sông Sen, vẻ đẹp của kiến trúc, điêu khắc và sắc màu hòa vào làm một đủ để dung hòa con tim của mỗi du khách. Du khách khi đến với nước Pháp

luôn tìm thấy được vẻ lãng mạn mà ở những quốc gia khác khó có thể cảm nhận được.

Có người nói rằng, đến Paris giống như được đắm mình trong đại dương của kiến trúc Châu Âu, như được lật lại những trang sử kiến trúc Châu Âu tinh tế, chân thực như có thể chạm vào được. Quả thực, Paris là một vật báu tuyệt tác làm nổi bật sự tinh túy trong kiến trúc nhân văn của phương Tây.

Paris có kiến trúc cổ xưa mà hoa lệ, các khu vườn gọn gàng, tinh xảo và đẹp đẽ. Các công trình điêu khắc và quảng trường trên khắp các con phố, những cây cầu với lịch sử lâu đời cùng với những kiến trúc kinh điển khiến du khách lưu luyến khó rời đều là những di sản văn hóa đáng tự hào của người dân Paris. Lần đầu tới Paris, dạo bước trên các con phố, sự lộng lẫy vàng son của bảo tàng Louvre, sự to đẹp hàng hoàng của Nhà hát Grand Opera House, sự to đẹp hùng vĩ của nhà thờ Notre Dame de Paris khiến mọi người không khỏi hết lời khen ngợi. Mỗi một nơi của Paris đều có những kiến trúc và trang trí kiểu Gothic tuyệt đẹp, ngay cả những nhà thờ nhỏ không chút tiếng tăm cũng đều là những kiệt tác nghệ thuật của kiến trúc cổ đại; những ngôi nhà bình thường ở bên đường cũng luôn có những bức tượng và phù điêu. Kiến trúc cổ của Paris không những có giá trị thưởng ngoạn nghệ thuật mà còn có chức năng sử dụng. Cung điện Elysees tráng lệ nổi tiếng hiện tại vẫn là Phủ Tổng thống của nước Pháp, nhà thờ Notre Dame de Paris vẫn đang sử dụng với chức năng của một tu viện.

Ngồi xe tham quan trong khu vực thành phố, tận mắt nhìn ngắm những kiến trúc và những di tích có lịch sử lâu đời vẫn uy nghiêm bất động mấy trăm năm. Đưa mắt nhìn xa, những màu xanh, trắng đậm nhạt, còn có cả những màu vàng mờ mờ tỏ tỏ, đây là phong cách và diện mạo cá tính của những chất đá khác nhau hiện lên sau sự tôi luyện của thời gian.

Giống như kiến trúc cổ đại của Trung Quốc với những ngôi nhà được chạm trổ với màu sắc



Công trình Khải Hoàn môn ở Paris

đẹp mắt, kiến trúc Paris cũng hết sức coi trọng sự phức tạp này. Chưa nói đến nhà thờ, cung điện với sự to lớn đẹp đẽ khiến người ta ngỡ ngàng không nói nên lời, những ngôi nhà bình thường ở trên phố cũng đều là những tác phẩm nghệ thuật của cuộc sống được tạo nên một cách kỳ công với những chiếc lan can khắc hoa và những bức phù điêu tinh xảo.

Khu vực thành phố trung tâm Paris được hình thành sau cuộc đại cách mạng nước Pháp. Cuộc đại cách mạng này đã gây ra những tổn thương khó có thể khôi phục được đối với kiến trúc Paris. Vào thời kỳ Napoleon III, Paris đã từng tiến hành việc xây dựng lại với quy mô lớn, tuy nhiên trong gần 200 năm trở lại đây hầu như không có sự biến đổi nào. Việc quy hoạch kiến trúc và đường phố Paris trước kia do Nam tước Haussmann đặt ra, từ năm 1853 đến năm 1870 hình thành quy mô. Các con phố ở Paris đều lấy Khải Hoàn Môn làm trung tâm và kéo dài theo dạng phát xạ, cho nên mọi người đứng ở vị trí nào trong khu vực trung tâm Paris đều có thể nhìn thấy Khải Hoàn Môn. Kiểu dáng kiến trúc của trung tâm Paris cũng do Nam tước Haussmann thiết kế: màu xám, cao 7 tầng, tầng đỉnh có gác lửng hình mũ, tầng 6 và tầng 3 có ban công, tầng dưới cùng làm cửa hàng. Những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, do sự tăng trưởng về dân số, Paris cần mở rộng không gian kiến trúc, vì vậy đã xây dựng nên tòa nhà Montparnasse cao 209m. Tuy nhiên, người dân Paris không thể tiếp nhận những tòa nhà cao



Nhà thờ Notre Dame de Paris

tầng hiện đại hóa, họ ưa chuộng kiểu kiến trúc Haussmann truyền thống. Năm 1977, dưới yêu cầu mạnh mẽ của người dân Paris, Chính quyền thành phố Paris đã ban hành Pháp lệnh quy định các tòa nhà mới xây trong nội thành đều có giới hạn chiều cao là 37 m, các công trình mới gần kề các công trình mang tính lịch sử thì có giới hạn chiều cao là 25 m. Cho nên bây giờ khi đứng trên tháp Eiffel để ngắm nhìn toàn thành phố ta có thể thấy được các mái nhà ở Paris rất bằng phẳng, với độ cong nhẹ nhàng, cho dù có góc cạnh cũng tinh tế mà không quá khoa trương, sự mềm mại bao trùm lên tất cả các công trình nơi đây; ngoài các công trình truyền thống như Khải Hoàn Môn, nhà thờ Sacré-Cœur, tượng đài Obelisk ...và tòa nhà Montparnasse ra thì hầu như không có công trình cao tầng nào. Tại thành phố này, cho dù là màu sắc hay phong cách, các công trình mới xây đều cẩn thận tuân theo sự cách điệu của người đi trước, duy trì vẻ đẹp hài hòa của Paris. Ngoài ra, Tòa thị chính Paris, các trường đại học, Tòa án, Sở Cảnh sát đều dấu mình trong các tòa nhà



Tháp Eiffel ở Paris

hoa lệ như hoàng cung. Nếu không phải là cây thánh giá ở được đặt bên trên của nhà thờ thì bạn thậm chí không thể phân biệt được sự khác nhau giữa nó và một nhà bảo tàng.

Đi trên các đại lộ của Paris, bạn sẽ cảm thấy các con phố khá hẹp, các công trình kiến trúc chật chội, san sát với nhau. Thành phố cổ Paris có niên đại rất lâu và được bảo vệ tương đối hoàn chỉnh. Môi trường cư trú của đại đa số người dân Paris tương đối chật hẹp, điều này khiến cho rất nhiều người dân Paris chỉ có thể mua ngôi nhà thứ hai của mình tại các khu ngoại ô để bù đắp lại sự hạn chế của ngôi nhà thứ nhất trong thành phố. Bình thường họ sống trong các ngôi nhà cao cấp tại trung tâm thành phố, vào cuối tuần hoặc kỳ nghỉ có thể đến khu ngoại ô, điều này đã trở thành tiêu chuẩn trong cuộc sống của rất nhiều người dân Paris.

Từ Diễm Văn

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc

Trung Quốc, số 5/2012

ND: Kim Nhạn

Thành phố Hồ Châu- tỉnh Chiết Giang - Trung Quốc: Thực hiện tốt 5 điểm trọng tâm để thúc đẩy thành phố phát triển

Những năm gần đây, tốc độ xây dựng của thành phố Hồ Châu đã phát triển nhanh chóng. Theo thống kê, mức độ đô thị hóa của toàn thành phố từ năm 2007 là 52,4% đã tăng lên

59,5% vào năm 2011. Diện tích xây dựng khu trung tâm thành phố vào cuối năm 2007 là 74,4km² đã tăng lên 93km² vào năm 2011, hình ảnh của thành phố đã không ngừng được

đổi mới, đời sống của người dân đang từng bước được cải thiện. Tuy nhiên, so với sự mong đợi của người dân, so với yêu cầu xây dựng thành phố theo mô hình sinh thái hiện đại, so với các thành phố khác, lĩnh vực xây dựng của thành phố Hồ Châu còn nhiều điểm cần thay đổi, cần phải xử lý dứt điểm. Bằng cách nào để thành phố Hồ Châu có thể phát triển một cách khoa học trong thời đại mới này, làm sao có thể có những bước đột phá nhanh chóng, giành được nhiều cơ hội phát triển. Để làm được như vậy, thành phố phải thực hiện tốt 5 điểm trọng tâm dưới đây:

1. Thực hiện tốt các dự án trọng điểm

Xây dựng thành phố là một việc làm một quan trọng, giúp thành phố không ngừng hoàn thiện và phát triển. Theo kế hoạch 5 năm lần thứ 11, mục tiêu của thành phố Hồ Châu là sẽ đạt những bước phát triển nhảy vọt về xây dựng, nhưng xét cho cùng thì việc đầu tiên cần làm là thành phố phải hoàn thành và thực hiện một số dự án, mạnh tay đầu tư, nỗ lực thúc đẩy nâng cao quy mô, chất lượng xây dựng của thành phố trong thời gian ngắn nhất. Trong một vài năm tới, Sở Xây dựng thành phố sẽ nhanh chóng thực hiện dự án cải tạo khu phố văn hóa lịch sử phía Tây, hoàn thành kế hoạch xây dựng đô thị và nông thôn mà thành phố đã đề ra. Về nhiệm vụ xây dựng của thành phố, nhìn chung còn khá nặng nề, đặc biệt là trong thời đại phát triển như hiện nay, khi mà thành phố đang trên con đường đổi mới, người dân cũng có những yêu cầu cao hơn đối với sự phát triển của thành phố. Trước tình hình như vậy, Sở Xây dựng thành phố Hồ Châu đã quán triệt việc tận dụng mọi cơ hội và nhanh chóng xây dựng những dự án trọng điểm. Nếu không biết nắm bắt được những cơ hội xây dựng quý báu này, thì không thể theo kịp với tốc độ phát triển đô thị hóa, đặc biệt là không có những dự án xây dựng có tầm vóc quy mô lớn, có sức ảnh hưởng lớn giữ vai trò trụ cột trong thành phố, Sở Xây dựng của thành phố chắc chắn sẽ phải chịu ảnh hưởng,

thậm chí còn ảnh hưởng đến cả tốc độ phát triển về sau. Do đó, Sở xây dựng Thành phố nhất định phải nắm bắt các dự án trọng điểm, như dự án xử lý khu vực hay bị lầy lội trong thành phố, dự án xây dựng khu vực đường vành đai ngoài thành phố... , ý nghĩa thực tế của những dự án này chính là thúc đẩy thành phố phát triển, nhanh chóng nâng cao chất lượng và hoàn thiện chức năng của thành phố.

Đồng thời, trong quá trình thúc đẩy dự án xây dựng, luôn phải tuân theo sự hướng dẫn của khái niệm về khoa học phát triển, căn cứ vào thực tế, tránh xảy ra hiện tượng sai sót, nhầm lẫn, như vậy mới có thể thúc đẩy lĩnh vực xây dựng của thành phố phát triển nhanh chóng và bền vững.

2. Thực hiện tốt phương diện quản lý

So với những thành tựu mà ngành xây dựng đạt được, thì cơ quan chức năng quản lý về xây dựng của thành phố Hồ Châu vẫn còn khá nhiều điểm bất cập, chưa đáp ứng được những yêu cầu của quần chúng nhân dân trong thành phố. Là một cơ quan có chức năng quản lý, nhưng đang phải đối mặt với tình trạng quản lý bị tụt hậu so với mức độ xây dựng và phát triển của thành phố, nhưng quan trọng hơn là họ đã nhận ra được khoảng cách khác biệt, sự hạn chế trong cách quản lý của mình, đã chủ động thay đổi niệm, từ quan niệm coi xây dựng là cốt yếu nay đã thay đổi chú trọng cả quản lý và xây dựng. Với quan niệm mới này, không những phải làm tốt những công việc quản lý thông thường như: đảm bảo một cuộc sống an toàn trong đô thị, phát triển ngành xây dựng, quản lý dự án xây dựng, mà còn phải đảm bảo rằng mọi thứ vận hành trong đô thị đều được an toàn, phải tập trung vào các đặc tính của một thành phố hiện đại và tăng cường đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ cộng đồng, tăng cường quản lý trong công tác giải quyết vấn đề giao thông ùn tắc, xử lý môi trường... . Cố gắng bố trí các phương diện quy hoạch, xây dựng, quản lý một cách hài hòa, có các biện pháp thực hiện phù

hợp với thực tế, giành được quyền chủ động trong công việc, tạo ra hiệu quả mới trong phương thức quản lý.

3. Thực hiện tốt phương diện văn hóa trong xây dựng

Văn hóa là tiêu chí rất quan trọng, nó thể hiện toàn diện sức mạnh của đô thị. Theo kế hoạch 5 năm lần thứ 11, dựa trên yêu cầu thực hiện chiến lược văn hóa xây dựng trong đô thị, thành phố Hồ Châu đã đẩy mạnh thực hiện một loạt các dự án nổi bật, công tác xây dựng khu phố văn hóa lịch sử Y Thường là một trong số những dự án đó... những dự án này đã làm tăng thêm danh tiếng của thành phố Hồ Châu. Những năm tới đây, Thành phố Hồ Châu cần từng bước nâng cao hơn nữa về chất lượng và tăng cường công tác bảo tồn văn hóa lịch sử của thành phố. Thông qua công tác quy hoạch và xây dựng, bên cạnh những công trình mang tính chất hiện đại, còn kết hợp tạo ra những quần thể mang đậm nét văn hóa, điêu khắc các nhân vật lịch sử, như vậy sẽ khiến cho đô thị vừa mang nét văn hóa hiện đại, vừa mang phong cách đặc trưng, đậm dấu ấn lịch sử.

4. Luôn chú trọng tới đời sống của người dân

Từ trước tới nay, ngành xây dựng của thành phố Hồ Châu luôn thực hiện theo phương châm lấy dân làm gốc, đã thực hiện một loạt các dự án dân sinh như: thúc đẩy toàn diện kế hoạch xây dựng nhà ở giá rẻ, cải tạo nhà ở cũ, nát cho người dân... qua đó, đời sống của người dân đã được cải thiện hơn rất nhiều. Từ chỗ người dân không hiểu, không đồng lòng với việc thực hiện các dự án xây dựng của thành phố, nay đã thay đổi quan điểm, quan tâm đến việc xây dựng, chủ động nói chuyện với cơ quan chức năng, điều này đã chứng minh rằng chỉ khi nào đáp ứng với nhu cầu, vì mục đích phục vụ người

dân, thì khi đó mới tạo ra động lực để thực hiện công tác xây dựng. Theo kế hoạch 5 năm lần thứ 11, từ Trung ương đến địa phương đều ý thức được việc đảm bảo đời sống của người dân là nhiệm vụ hàng đầu để tăng cường và cải thiện công tác quản lý xã hội. Do đó, giữa cơ quan chức năng quản lý về xây dựng với người dân, luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chú trọng tới việc cải thiện đời sống, phục vụ, đáp ứng mọi nhu cầu của người dân, đây là những điều cơ bản để đảm bảo đời sống cho người dân.

5. Luôn chú trọng tới ý kiến của người dân

Tôn trọng ý kiến của người dân, thuận theo lòng dân, là lựa chọn tất yếu mà cơ quan quản lý xây dựng của thành phố cần làm để cải thiện đời sống cho người dân. Chú trọng tới ý kiến của người dân, qua đó mới hiểu được người dân muốn gì, cần gì, và chính quyền sẽ có phương hướng cần nghiên cứu cái gì, làm gì để đáp ứng với mong muốn của họ. Xem ý kiến của họ như là "tín hiệu đầu tiên" trong công tác xây dựng đô thị, đưa ý kiến của họ vào trong tư tưởng của lãnh đạo, dần dần sẽ hình thành một cơ chế trong công việc. Đặc biệt cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng của hệ thống internet như hiện nay, người dân sẽ dễ dàng hơn trong việc đưa ra những ý kiến đóng góp với cơ quan quản lý, từ đó cơ quan quản lý sẽ kịp thời nắm được tình hình thực tế, hiểu được tâm tư nguyện vọng của họ, như vậy sự tin nhiệm của người dân đối với Đảng và Chính phủ sẽ nâng lên rất nhiều./.

Chúc Thì Vi

Nguồn: Tạp chí Xây dựng đô thị và Nông thôn Trung Quốc số 3/2012

ND: Bích Ngọc

Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội ký kết chương trình phối hợp hành động về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở đến năm 2020

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2012



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Lễ ký kết



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo ký kết Chương trình phối hợp hành động